



# PHẬT HỌC

佛學

PHƯƠNG TIỆN TU HỌC PHẬT PHÁP - PHÁT HÀNH HÀNG THÁNG

SỐ 271, NĂM THỨ 22

THÁNG 2-2017



Điện Tử Thư (E-Mail): [huynhaitong@gmail.com](mailto:huynhaitong@gmail.com)  
Mạng Nhện Toàn Cầu (World Wide Web): <http://www.nsphathoc.org>



## NGUYỆT SAN PHẬT HỌC

Chủ Biên:

**PHÚC TRUNG**

Thủ Quỹ:

**DIỆU LAN**

Kiểm Soát:

**PHƯỚC SƠN**

Ban Biên Tập:

**BÌNH ANSON**

**CHÂN ĐẠI LƯỢNG**

**MINH HÒA**

**NHÂN CA**

**TÂM KHÔNG**

**TÂM TUỆ TĨNH**

**TUỆ VIÊN**

Cộng Tác:

**CHÍNH HẠNH**

**HÀN TRÚC**

**HỒNG DƯƠNG**

**MINH CHÁNH**

**MINH ĐỨC**

**TRẦN TRUNG ĐẠO**

Kỹ Thuật:

**MINH HÒA**

**NHÂN CA**

## Mục Lục

<u>Trẻ vui nhà, già vui chùa</u>	<i>BBT</i>	3
<u>Đức Phật A Di Đà và cõi Tịnh độ Cực Lạc</u>	<i>Liên Hoa dịch</i>	4
<u>Làm thế nào để chuyên nghiệp</u>	<i>David R. Loy</i>	14
<u>Pháp Cú 321</u>	<i>HT. Thích Minh Châu dịch</i>	22
<u>HHL: Cách xử thế của người xưa</u>	<i>Thích Nữ Như Thủy</i>	22
<u>9 Lợi ích tuyệt vời của tập Thiền</u>	<i>BS Nhật Nguyệt</i>	23
<u>Thơ: Trước thềm Xuân sang</u>	<i>Phổ Đồng</i>	24
<u>Phật Giáo Việt Nam thời hiện đại</u>	<i>TS. Trần Hồng Liên</i>	25
<u>Hư Hư Lục: Cầu được ước thấy</u>	<i>Thích Nữ Như Thủy</i>	30
<u>Thơ: Chợ đời</u>	<i>Minh Đức Triều Tâm Ảnh</i>	31

Tranh bìa

**Hoa Sen**

**Đôi lời thưa trước cùng quý tác giả có bài  
đăng trong**

**Nguyệt San Phật Học**

Nhằm mục đích hoàng dương Phật Pháp, Nguyệt San Phật Học đăng lại một số bài từ các Tạp Chí, Sách, Báo Phật Giáo. Có những bài không thể liên lạc được với tác giả, xin quý vị hoan hỷ miễn thứ cho.

**Ban Biên Tập**

**Nguyệt San Phật Học**

## Trẻ vui nhà, già vui chùa



Người xưa thường nói: “Trẻ vui nhà, già vui chùa”. Bởi vì chùa là nơi thanh tịnh, trong khi tuổi trẻ hiếu động, khi đến chùa tuổi trẻ phải giữ sự im lặng nơi chốn thiền môn, nên trẻ con không thích đến chùa.

Trong khi người già muốn tìm sự thanh tịnh, trốn tránh nơi chốn ồn ào, cho nên chùa là nơi thích hợp cho tuổi già.

Tuy nhiên, vài thập kỷ trở lại đây có tổ chức Gia Đình Phật Tử là một tổ chức giáo dục, chuyên đào tạo thanh, thiếu, đồng niên trở thành Phật tử chân chính. Tổ chức này áp dụng các trò chơi, các bài hát để cho tuổi trẻ thấy vui đến chùa học đạo.

Ở chùa nào có Gia Đình Phật tử sinh hoạt, nơi đó sẽ có tiếng hát ca, sẽ có những trò chơi không thể không ồn ào, náo nhiệt. Đó là những phương tiện khiến cho trẻ con thích đến chùa để được ca hát, học hỏi chuyên môn và từ từ thấm nhuần giáo lý nhà Phật.

Những người già đến chùa không chỉ có lễ Phật, làm công quả, cúng dường mà còn có những khóa tu học, những Phật thất, Bát quant trai .... Dem lại cho người già những phương tiện tu học, mục đích gần là cho người Phật tử có cơ hội học hỏi chánh pháp để tránh mê tín, xa hơn là nhằm mục đích giải thoát mọi khổ đau trong cuộc đời.

Ngày nay, quan niệm “Trẻ vui nhà, già vui chùa” vẫn còn đúng, nhưng đã được cải thiện, để cho người trẻ cảm thấy sự hữu ích khi đến chùa, chúng tử Phật được gieo trong lòng họ, nói khác hơn Phật tánh của họ được khai mở, để từ đó họ tìm về cội nguồn của mình, tinh tấn tu học trên đường giải thoát trầm luân, khổ hải.

BBT/NS/PHẬT HỌC

# Đức Phật A Di Đà và cõi Tịnh Độ Cực Lạc

*H.H. Drikung Kyabgon Chetsang Rinpoche – Liên Hoa Việt dịch*



Nói chung, ta được biết là có nhiều cõi Tịnh Độ, nhiều cõi linh thánh của những Đấng Giác ngộ mà chúng ta gọi là chư Phật. Cõi Tịnh Độ của Đức Phật Vô Lượng Quang A Di Đà thì đúng là một nơi độc nhất vô nhị. Có những cõi Tịnh Độ ở bốn phương Đông, Tây, Nam, Bắc, và ở trung tâm. Trong số đó, cõi Tịnh Độ của Đức Phật A Di Đà là nơi dễ đến nhất và

vì thế rất đặc biệt. Nhờ lập một ước nguyện đặc biệt được tái sinh trong cõi Tịnh Độ Cực Lạc, ta có thể thành tựu sự chuyển di tâm thức của ta tới cõi đó. Năng lực của lời cầu nguyện, năng lực của ước nguyện sùng mộ và nhiệt thành là tất cả những gì cần phải có.

Trong mối liên hệ với thế giới của ta thì Cõi

Tịnh Độ của Đức Phật A Di Đà ở phương tây và ở phía trên thế giới của ta. Ta phải chấp nhận một vũ trụ quan và nhận ra rằng có nhiều hệ thống thế giới khắp không gian. Tôi đang nói tới một hệ thống hết sức bao la. Chúng ta hãy xác định vị trí của ta.

Điều tôi đang nói - trong phạm vi của hệ thống vĩ đại - vận hành như sau: Đức Phật Thích Ca Mâu Ni là Đấng Giác ngộ chính yếu trong một tiểu thiên thế giới vĩ đại. Điều này có nghĩa là toàn thể hệ thống được gọi là vũ trụ của ta với những mặt trời và mặt trăng, những vì sao và hành tinh, là một đơn vị. Nhân nó lên một ngàn lần và sau đó nhân lên một ngàn lần rồi một ngàn lần nữa. Đó là ba tiểu thiên thế giới. Đức Phật Thích Ca Mâu Ni thống lĩnh một trong những tiểu thiên thế giới đó. Cõi của Đức Vô Lượng Quang A Di Đà thậm chí siêu vượt hệ thống vũ trụ đó. Điều tôi đang giảng có xuất xứ từ một lời cầu nguyện do Karma Chagme sáng tác biểu lộ nguyện ước mãnh liệt được tái sinh trong cõi Tịnh Độ Cực Lạc. Trong bài nguyện, Karma Chagme nói rằng cõi Tịnh Độ Cực Lạc có phạm vi rộng lớn như thế, vượt xa thực tại bình thường của chúng ta và mắt trần của chúng ta không bao giờ có thể nhìn thấy nó. Nó không phải là cái gì có thể

được nhìn thấy một cách vật lý. Nó quá bao la; phạm vi của nó không thể so sánh với bất kỳ tiêu chuẩn nào. Ta biết rằng nó vượt quá khả năng tri giác của các giác quan của ta. Nó rất xa và rộng lớn, vì thế hoàn toàn vượt quá khả năng đo lường của ta. Chúng ta có thể nhìn thấy những vì sao và đi tới mặt trăng, nhưng các giác quan của ta sẽ không bao giờ nhận thức được thực tại của Cõi Cực Lạc. Đối với sự suy nghĩ và nhận thức bình thường của ta thì nó quá xa và quá bao la. Trong ý nghĩa đó, ta không thể tới đó bằng bất kỳ phương tiện vật chất nào. Tuy nhiên, khi tâm ta đã được tịnh hóa, được tiết trừ được những lỗi lầm, khi trở về trạng thái nguyên sơ của chính nó thì ta có thể trực tiếp kinh nghiệm thực tại của cõi Tịnh Độ Cực Lạc. Cách thức để tri giác cõi Tịnh Độ là bằng tâm chứ không bằng những giác quan. Vì thế, hãy thiết lập cái thấy đó trong tâm bạn và hình dung rằng an trụ ở trung tâm của Cõi Cực Lạc bao la, gồm chứa tất cả là Chúa tể của cõi Tịnh Độ: Đức Phật A Di Đà, Đức Phật Vô Lượng Quang. Thân Ngài có sắc đỏ và trông giống Đức Phật Thích Ca Mâu Ni. Ngài có đủ 80 tướng chính và 32 tướng phụ của một hiền lộ Hóa Thân toàn giác. Chẳng hạn như Ngài có nhục kế mà bạn nhìn thấy ở những pho tượng và thangka của Đức Phật. Trong bàn tay Ngài có những luân xa và v.v.. như bạn có thể nhìn thấy có nhiều tướng khác nhau. Hai bàn tay ở trong tư thế quân bình thiên định, Ấn Thiên Định, và

trong bàn tay là một bình bát. Trông Ngài rất giống Đức Phật Thích Ca Mâu Ni, chỉ khác ở điểm nước da Ngài có màu đỏ hồng ngọc đậm. Trông Ngài thật rực rỡ và chói lọi. Ngài an tọa trên một hoa sen và một tòa mặt trăng. Sau lưng Ngài là Cây Như ý. Bên phải Ngài là Đức Avalokiteshvara (Quán Thế Âm) có sắc trắng. Bên trái Ngài là Đức Vajrapani (Kim Cương Thủ), Chúa tể của Những Phương tiện Mạnh liệt. Đây là ba vị lãnh đạo của Cõi Tịnh Độ Cực Lạc. Nói một chút về lịch sử sự hình thành cõi Tịnh Độ Cực Lạc của Đức Phật A Di Đà thì đó là một cõi Tịnh Độ không có những khiếm khuyết. Nó viên mãn trong mọi phương diện. Sự nhận thức về cõi Tịnh Độ đó không xuất hiện mà không có nguyên nhân. Nguyên nhân của cõi linh thánh toàn hảo này là gì? Rất nhiều kiếp về trước, trước khi là một vị Phật, Đức Phật A Di Đà là một tu sĩ có tên là Dharmakara (Pháp Tạng), có nghĩa đen là ‘căn nguyên của Pháp.’ Khi Ngài tu hành như một Bồ Tát, Ngài đã lập một loạt những lời cầu nguyện, hay những nguyện ước mãnh liệt, về cách thế của những sự vật khi Ngài hoàn toàn Giác ngộ. Ngài nói: *“Có rất nhiều cõi Tịnh Độ và những người tới được cõi đó là những chúng sinh đã từ bỏ ác hạnh, những người đã tích tập vô số công đức, và đã chuyên cần thực hành Pháp. Họ có thể đi tới những cõi Tịnh Độ đó, nhưng điều đó rất khó khăn. Còn tất cả những người không từ bỏ ác hạnh, không tích tập*

rất nhiều công đức, và không thể thực hành một cách nghiêm nhặt thì sao? Tôi sẽ thiết lập một cõi Tịnh Độ để những người đó có thể dễ dàng đi tới. Nguyên tôi giải thoát tất cả chúng sinh không có những phẩm tính siêu nhiên đó của những hành giả đi tới những cõi Tịnh Độ của tất cả những vị Phật khác.” Có nhiều bản văn cầu nguyện (hay thế nguyện) của Đức Phật A Di Đà lập nên khi Ngài là Dharmakara (Pháp Tạng). Chỉ riêng ở Tây Tạng đã có 500 bản văn cầu nguyện khác nhau. Ở Trung Hoa có nhiều bản văn về việc lập những Đại Nguyện của Đức A Di Đà. Nói chung, có thể nói rằng tất cả những nguyện ước mãnh liệt của Ngài có thể được sắp xếp thành Bốn Mươi Tám Đại Nguyện. Cõi Tịnh Độ Cực Lạc trở thành hiện thực nhờ một trong Bốn Mươi Tám Đại Nguyện đó. Đây là nguyên nhân sự hiện hữu của Cõi Tịnh Độ Cực Lạc. Cõi Tịnh Độ này không hiện hữu mà không có nguyên nhân. Nguyên nhân của sự hiện hữu này là hoạt động của vị Bồ Tát – bậc đã trở thành Đức Phật A Di Đà. Nói chung, tất cả chư Phật giữ gìn mọi chúng sinh trong tâm khảm của các Ngài với lòng từ ái và bi mẫn. Bởi lòng đại bi của các Ngài, các Ngài lập những nguyện ước mãnh liệt. Các ngài lập những đại nguyện, làm việc trải qua nhiều đời; trong khi tu hành là những Bồ Tát trước khi thành Phật để ảnh hưởng tới tất cả chúng sinh bằng vô số phương cách. Giống như cọ xát hai cây gậy với nhau đủ lâu và đủ mạnh

bạn có thể tạo ra lửa, nhờ tích tập công đức và trí tuệ nguyên sơ thì mọi sự đều có thể được thành tựu. Trong trường hợp này điều được thành tựu là sự thiết lập Cõi Tịnh Độ Cực Lạc ở phương tây của thế giới chúng ta nhờ sự tích tập vô lượng công đức và trí tuệ nguyên sơ của Ngài. Một lần nữa, chúng ta hãy khảo sát sự ẩn dụ của hai cây gậy cần thiết để tạo ra lửa. Lửa không xuất hiện tự nhiên từ một cây gậy. Bạn cần có hai cây gậy và cần nỗ lực cọ xát chúng với nhau bằng một cách thức đặc biệt trong một thời gian. Cuối cùng một tia lửa bật ra từ sự kết hợp của hai cây gậy và lửa bắt đầu cháy. Trong một cách thế tương tự, mọi hiện tượng, mọi thực tại, mọi pháp, đều hiển lộ nhờ sự kết hợp của tánh Không và căn nguyên tương thuộc (duyên sinh). Mọi sự hoàn toàn có sự quan hệ hỗ tương với nhau. Điều đó được gọi là sự duyên sinh. Đó là một cây gậy. Cây gậy kia là tánh Không: Chân lý của tánh Không, sự hoàn toàn không có sự hiện hữu nội tại của mọi hiện tượng. Hai cây gậy kết hợp với nhau, là bản tánh thực sự của thực tại. Đây là sự thực của mọi sự, của mọi thực tại. Hãy để cõi Tịnh Độ sang một bên trong chốc lát và hãy khảo sát cõi giới chúng ta đang sống. Thế giới chúng ta thì cũng thế. Nó là sản phẩm của sự hợp nhất bất nhị của sự trong sáng (quang minh) và tánh Không, của hình tướng và tánh Không. Những sự vật xuất hiện trong một cách thế hoàn toàn không bị chướng

ngại, và tuy thế chúng không có thực chất. Thực chất của chúng thì trống không. Điều đó có nghĩa là mọi khả năng của kinh nghiệm bắt nguồn từ sự hợp nhất bất nhị của hình tướng và tánh Không. Chúng ta hãy khảo sát sự hiển lộ của thế giới chúng ta hay của cõi Tịnh Độ. Mọi sự không đơn thuần là một sự trống không (tánh Không) bởi chúng xuất hiện, có phải thế không? Ta có thể nhìn thấy rõ ràng mọi sự. Mọi sự dường như có sự hiện hữu và mọi sự có vẻ có một căn bản vật chất trong thế giới chúng ta. Đó là một vẻ của phương trình biểu thị sự hiển lộ rõ ràng của các hiện tượng, của những kinh nghiệm. Tuy nhiên, vẻ đó không thể có nếu không có tánh Không. Nếu mọi sự có sự hiện hữu vững chắc, vật chất, nội tại thì không điều gì có thể hiện hữu. Chính nhờ tánh Không mà những sự vật có thể hiển lộ như những hình tướng. Chỉ vì có tánh Không nên mọi sự vật mới có thể hiện hữu. Không có tánh Không thì sẽ chỉ là một khối cứng đặc vững chắc. Như thế thì sẽ chỉ là một vật. Không điều gì có thể hình thành sự hiện hữu tương đối mà không có sự đặt nền chủ yếu trong tánh Không. Vì thế chính nhờ tánh Không mà thế giới chúng ta hiện hữu. Nhờ tánh Không, cõi Tịnh Độ Cực Lạc được thiết lập bởi năng lực của sự nguyện ước, tích tập công đức, và trí tuệ nguyên sơ của Đấng giác ngộ A Di Đà. Tôi nghĩ rằng nếu bạn mới đến với Đạo Phật thì điều này thật khó hiểu, nhưng quả thật chỉ nhờ có tánh

Không mà có hình tướng. Bây giờ ta hãy tiếp tục khảo sát những phẩm tính đặc biệt của cõi Tịnh Độ được hình thành nhờ những nguyện ước của Đức Phật A Di Đà được gọi là Cõi Cực Lạc (Dewachen). Ta được biết là có nhiều cõi Phật khác, nhưng để tới được những nơi đó ta phải hoàn toàn đạt được một địa vị cao quý. Ví dụ như để đi tới cõi Tịnh Độ của Đức Phật khác thì phải là một Bồ Tát thập địa hoặc đang tới gần những cánh cổng của sự giác ngộ toàn triệt và viên mãn, và phải tích tập vô lượng công đức. Những chúng sinh bình thường rất khó ước nguyện tới đó. Vì chúng ta mà Đức Phật A Di Đà đã lập những nguyện ước mãnh liệt. Mặc dù cõi Tịnh Độ của Ngài có vẻ rất xa thế giới chúng ta nhưng đối với những chúng sinh như chúng ta thì việc tới được cõi đó tương đối cũng dễ dàng. Đó là nhờ năng lực của những lời khẩn cầu và nguyện ước của Ngài. Như có nói ở trên, hiện có nhiều bản văn những lời nguyện, khẩn cầu và nguyện ước của Đức Phật A Di Đà. Nếu bao gồm chúng trong một câu duy nhất thì tinh túy của những lời nguyện, khẩn cầu, và nguyện ước là: ***“Cầu mong một Cõi Tịnh Độ được thiết lập để những chúng sinh bình thường với nghiệp bất tịnh, những chúng sinh có ác nghiệp, những người không từ bỏ ác hạnh, có thể đi tới được.”*** Khi bạn tới những cõi Tịnh Độ của những vị Phật khác, bạn sẽ đạt được giác ngộ nhờ địa vị cao quý bạn đã có trước khi tới đó. Còn ở cõi Cực Lạc, bạn có

thể tới đó nhưng điều đó không có nghĩa là bạn đã giác ngộ. Điều xảy ra là bạn sẽ không trở lại vòng luân hồi sinh tử mà đúng hơn, bạn sẽ có mọi điều kiện tích cực và tốt lành để tích tập công đức và trí tuệ nguyên sơ. Ở cõi đó bạn sẽ có thể từ bỏ mọi ác hạnh và thực hành để điều phục và tu hành tâm bạn cho tới khi bạn thuần thục để có thể đạt được giác ngộ. Như thế đó là một sự giới thiệu tổng quát Cõi Cực Lạc.

Bây giờ tôi sẽ giảng về một bài nguyện ước được tái sinh trong Cõi Dewachen (Cực Lạc) do Karma Chagme Rag-Astrs Rinpoche biên soạn. Trước hết, tôi sẽ bắt đầu với một mô tả về địa hình của cõi Tịnh Độ này. Mặt đất không giống với mặt đất trong thế giới chúng ta. Nó không gồ ghề và phủ đầy đá. Nó hoàn toàn nhẵn và bằng phẳng, và được cấu tạo bởi bụi châu báu. Trong cõi Tịnh Độ Cực Lạc, bạn luôn luôn có một cảm nhận của cái thấy rộng lớn. Nó rất bao la. Không có những sự thay đổi ánh sáng và bóng mát. Một ánh sáng toàn khắp rộng lớn xuất hiện từ thân vật lý của Đức Phật Vô Lượng Quang, Đức Phật A Di Đà. Toàn bộ cõi giới chìm ngập trong sự chói lọi của thân giác ngộ của Đức Phật A Di Đà. Mặt đất không khô rắn. Nó mềm và nếu bạn ngã trên đó, bạn sẽ nảy người lên. Bạn sẽ không bị vấp ngón chân. Ở Dewachen mọi sự đều mềm mại. Ở đó có nhiều cây cối, chúng là những cây châu báu như ý cho bạn bất kỳ những gì bạn cần. Những cành cây đầy chim chóc đủ

loại. Tất cả chúng đều là những hóa thân của Đức Phật A Di Đà. Chúng có giọng hát du dương tuyệt vời. Hơn là những tiếng hát bình thường, chúng hát những Giáo Pháp làm tâm bạn hoan hỉ và an bình. Mọi người ở đó được nghe âm thanh du dương của Pháp đều trở nên an lạc, hạnh phúc, và hài lòng. Có nhiều sông, suối và những con lạch và nước thì không phải là nước bình thường. Nó là nước hoa. Có những cái hồ mà bạn có thể nghỉ ngơi ở đó và tắm nước hoa. Mặt đất phủ đầy hoa sen rực rỡ và thơm ngát, nó nở ra và từ nhụy của mỗi hoa sen hóa hiện vô số tia sáng. Trên đầu mỗi tia sáng là một vị Phật. Tất cả chư Phật đều thuyết giảng Pháp. Nhờ nghe các Ngài giảng Pháp tâm bạn rũ sạch mọi cảm xúc tiêu cực. Trong Cõi Cực Lạc không có bệnh tật, không có sự nghèo khó, sự già nua và sự chết. Không có sự phân biệt giữa người này và người khác. Tất cả đều tuyệt đẹp. Tất cả đều đầy ắp những phẩm tính tốt lành. Không có những thiếu sót, những lỗi lầm, những ô nhiễm, không có các loại đau khổ, thậm chí từ ‘đau khổ’ cũng không được nghe thấy ở cõi Tịnh Độ Cực Lạc.

Cách thức để được sinh ra ở Dewachen là lập một niềm tin và ước nguyện mạnh mẽ đối với cõi Tịnh Độ, và khát khao được sinh ra ở đó. Khi bạn sinh ở cõi đó, bạn không sinh bằng một tiến trình bình thường. Trong thế giới của ta, hết thầy chúng ta đều tới đó trong sự khổ nhọc và làm việc trong sự buồn



phiền. Ở nơi đây sự sinh ra là một tiến trình đau đớn. Ở Cõi Dewachen, bạn không sanh ra nhờ một thai tạng, mà đúng hơn bạn được sinh một cách kỳ diệu trong nhụy một hoa sen nở. Nếu bạn cầu nguyện với sự nhất tâm và niềm tin nhiệt thành mãnh liệt được sinh ra ở đó thì bạn sẽ được như ý. Nếu bạn nuôi dưỡng bất kỳ mối nghi ngờ nào thì bạn vẫn được sinh ở đó nhưng sẽ sinh trong một bông sen chưa nở. Bạn được tắm trong ánh sáng chói ngời của Đức Phật nhưng bạn không thể nhận ra mọi phẩm tính của cõi Tịnh Độ và không thể tùy ý du hành đây đó. Bạn ở trong một bông sen khép miệng cho tới khi những vết tích sau cùng của sự hoài nghi và tiêu cực bị tẩy trừ. Khi ấy bông sen sẽ nở ra. Nếu bạn không có chút nghi ngờ nào thì bạn được sinh trong một bông sen nở. Điều này gắn liền với loại nguyện ước được tái sinh trong Cõi Tịnh Độ mà bạn đã lập nên vào lúc chết. Hãy lưu giữ trong tâm sự phân biệt hết sức quan trọng này giữa hai loại sinh ra khác nhau trong cõi Tịnh Độ. Điều tối quan trọng là phải lập nguyện ước đúng đắn được tái sinh vào lúc chết. Hãy làm điều này một cách mạnh mẽ không chút nghi ngờ. Nếu bạn cho phép sự hoài nghi đi vào tâm bạn thì bạn sẽ sinh trong một bông sen khép miệng. Nếu vào lúc chết bạn lập nguyện ước mạnh mẽ này thì khi ấy, không phải trải nghiệm bất kỳ điều gì, bạn được sinh trong nhụy một bông sen nở trước sự hiện diện của Đức Phật Vô Lượng Quang A

Di Đà. Một trong những phẩm tính kỳ diệu của việc được tái sinh trong Cõi Cực Lạc là nếu bạn từng đọc những quyển sách mỏng về việc du hành tới những cõi Tịnh Độ khác thì bạn có thể đi tới đó lập tức ngay khi ước muốn điều đó. Bạn có thể di chuyển một cách thần diệu tới bất kỳ cõi Tịnh Độ nào khác chỉ bằng cách lập nguyện tới nơi đó. Từ thế giới này, bạn không thể tức thì đi tới cõi Tịnh Độ khác, nhưng từ cõi Tịnh Độ Cực Lạc thì bạn có thể. Bạn có passport, visa, và mọi loại vé cần thiết để đi tới mọi Tịnh Độ của bất kỳ Đức Phật nào, ở mọi phương và bất cứ khi nào bạn muốn.

Khi bạn sinh trong một hoa sen nở, bạn vẫn chưa viên mãn. Bạn đã tẩy trừ khỏi dòng tâm thức của bạn mọi điều tiêu cực, mặc dù bạn chưa là Phật nhưng bạn được sinh trong một hình thức có nhiều phẩm tính tích cực giống như những phẩm tính của một vị Phật. Bạn được sinh ra với một thân sắc vàng rực rỡ. Bạn có những năng lực siêu nhiên và siêu giác. Bạn được thụ hưởng năm loại năng lực siêu giác. Phẩm tính khác mà bạn có như một hài nhi là mọi vật bạn cần để cúng dường chư Phật mà hiện nay bạn nhận thức bằng đôi mắt vật lý của bạn thì ở cõi Tịnh Độ, chúng sẽ tự động hiển lộ trong đôi bàn tay bạn. Bằng cách ấy bạn có thể dễ dàng tích tập công đức và hoàn thiện nó để tích tập trí tuệ. Hơn nữa, cuối cùng thì sự tích tập công đức và trí tuệ đưa tới Phật Quả sẽ xảy ra rất nhanh chóng trong Cõi Tịnh Độ

Cực Lạc. Trái nghịch với những cõi Tịnh Độ khác, trong cõi Dewachen (Cực Lạc) tiến trình tích tập công đức và trí tuệ rất nhanh chóng. Chính Đức Phật Thích Ca Mâu Ni đã nói: *“Do đó việc cầu xin được tái sinh ở cõi Dewachen tích tập công đức nhiều như thể con cúng dường bảy loại ngọc quý và những châu báu khác đầy tràn ba ngàn thế giới (được đề cập trước đây).”* Nói chung, chúng ta có thể nói rằng bất kỳ chúng sinh nào nghe danh hiệu của Đức Phật A Di Đà (phù hợp với những Đại Nguyên của Đức Phật A Di Đà) lập nguyện tái sinh trong cõi Dewachen và dẫn mình vào thực hành đó đều có thể được tái sinh trong cõi Dewachen. Những người từng tích tập sự tiêu cực của năm trọng tội thì khó đạt được điều đó. Mặc dù thế, ngay cả đối với những người tội lỗi nặng nề như thế, nếu họ thực hành mãnh liệt thì họ vẫn có thể được tái sinh trong cõi Dewachen.

Tóm lại, về những giáo lý của Đức Phật A Di Đà và Cõi Tịnh Độ Cực Lạc thì thực hành này rất phổ biến trong tất cả những quốc gia theo Phật Giáo Đại thừa. Tại sao thế? Đó là bởi tính chất của những lời nguyện của Đức Phật A Di Đà. Thực hành Đức Phật A Di Đà và Cõi Tịnh Độ thích hợp với những người bình thường và ai cũng có thể thực hành. Bạn không phải là một đại nhân cao quý đã từ bỏ mọi ác hạnh. Bạn không phải là một hành giả tuyệt vời. Tùy thuộc vào năng lực những lời nguyện của

Đức Phật A Di Đà, bạn có thể dẫn mình vào thực hành này. Đây là một thực hành Kinh thừa. Do đó, nó là Pháp môn mọi người có thể thực hành. Nó rất dân chủ và được dành cho tất cả mọi người.

**Hỏi:** *Một khi đã được sinh trong cõi Tịnh Độ, liệu ta có những cơ hội quay trở lại thế giới này để giúp chúng sinh đạt được Giác ngộ?*

**Đáp:** Mục đích của việc tái sinh trong cõi Tịnh Độ Cực Lạc là để đạt được Phật Quả. Vì thế, ý nghĩa của cõi Tịnh Độ Cực Lạc là bạn đã có được mọi điều kiện tốt lành để đạt được sự Giác ngộ toàn triệt và viên mãn. Khi bạn hoàn toàn giác ngộ thì trạng thái đó không phải là sự Giác ngộ phiến diện để an nghỉ trong Niết Bàn. Nó là sự Giác ngộ Đại thừa được đặt nền trên tánh Không, chứng ngộ rằng Niết Bàn và sinh tử không phải là điều để bám luyến. Điều then chốt của mọi thực hành Đại thừa là lòng Đại Bi. Tự thân cõi Tịnh Độ được thiết lập bằng năng lực Đại Bi của Đức Phật A Di Đà. Nếu bạn chứng ngộ tánh Không thì khi ấy lòng bi mẫn tự động hiển lộ. Tánh Không đó cùng với lòng bi mẫn - là những gì tạo nên Phật Quả – cũng tạo thành sự giải thoát toàn triệt và viên mãn. Khi bạn giải thoát như thế, bạn sẽ không bị hạn chế đối với cõi Tịnh Độ Cực Lạc. Bạn có thể mang bất kỳ cách thể hiện lộ nào bạn muốn. Bạn có thể đi tới bất kỳ cõi Tịnh Độ nào bạn muốn. Bạn không ngừng

hiển lộ trong vô vàn phương cách khác nhau vì hạnh phúc của tất cả chúng sinh.

**Hỏi:** *Ở một mặt, việc được tái sinh ở Cõi Cực Lạc nghe có vẻ thật dễ dàng. Ở mặt khác thì vào lúc đó để có được sự an lạc thực sự ta sẽ phải củng cố bản thân, thực sự ước muốn thành tựu Bồ Đề tâm. Do đó dường như có một thách thức to lớn trong việc ước muốn giúp đỡ người khác và không chỉ quan tâm tới bản thân. Vì thế việc ấy không thật dễ dàng.*

**Đáp:** Việc tái sinh trong Cõi Dewachen (Cực Lạc) chỉ khó khăn nếu bạn mắc phạm một trong Năm Trọng tội Không chuộc lỗi được. Nếu bạn không phạm một trong những tội đó thì rất dễ dàng, bởi tất cả những gì bạn cần làm thì tùy thuộc vào năng lực của việc hình thành những nguyện ước mãnh liệt được tái sinh trong Cõi Cực Lạc. Điều mà năng lực đó làm là hợp nhất bạn với sự đối trị với mọi che chướng và sự phi-đạo đức của bạn. Đó là năng lực của đại nguyện của Đức Phật A Di Đà. Yếu tố khác góp phần khi bạn hình thành nguyện ước để nối kết sự thực hành này và được tái sinh trong cõi Tịnh Độ. Lý do khác khiến ta rất dễ dàng được tái sinh là giây phút chết chính là mỗi khoảnh khắc. Giáo Pháp dạy rằng mọi sự ở trong trạng thái thay đổi liên tục. Mọi sự đều vô thường và hướng tới cái chết trong mọi lúc, vì thế trong mỗi khoảnh khắc, cái gì đó chết đi và cái gì đó tái sinh. Kinh

nghiệm của bạn ra sao thì tùy thuộc vào việc tâm bạn được hướng tới thế nào. Tư tưởng hiện tại của bạn sẽ đưa dẫn tới kinh nghiệm theo sau của bạn. Nếu bạn thiết lập một nguyện ước liên tục từ khoảnh khắc này tới khoảnh khắc khác, thấu hiểu rằng bất kỳ khoảnh khắc nào cũng có thể là lúc chết, trong mỗi khoảnh khắc bạn đều khao khát được tái sinh trong Cõi Dewachen, thì bạn đã thiết lập sự tương tục của nguyện ước đó. Điều đó sẽ là kinh nghiệm của bạn. Nguyên nhân trong khoảnh khắc đó sẽ tạo nên kết quả trong khoảnh khắc kế tiếp. Mọi sự là sự chuyển hóa trong tâm thức.

**Hỏi:** *Rinpoche, ngài có thể giảng thêm cho chúng con về ánh sáng trong những bông sen khép lại? Làm thế nào ánh sáng ấy chiếu sáng chúng?*

**Đáp:** Trong Cõi Cực Lạc, mọi sự được thắm đẫm ánh sáng. Giống như mọi sự khác ở trong và khắp Cõi Cực Lạc, nó là một hóa thân của Đức Phật A Di Đà. Nó là toàn bộ Đức Phật A Di Đà. Mọi sự được tri giác trong Cõi Cực Lạc là một sự trải rộng của Đức Phật A Di Đà. Ánh sáng là Ánh sáng của lòng Bi mẫn. Chính Ánh sáng của lòng Bi mẫn làm thuần thực chúng sinh.

**Hỏi:** *(không nghe rõ)*

**Đáp:** Sự hình thành của lời nguyện tái sinh trong Cõi Cực Lạc là một vấn đề cá nhân. Bạn không thể phát triển một nguyện ước

nhân danh người nào khác. Tuy nhiên bạn có thể giúp đỡ người khác bằng cách lập lại cho họ nghe danh hiệu của Đức Phật A Di Đà và cho họ biết sự hiện hữu của Đức Phật A Di Đà trong cõi Tịnh Độ. Ta được biết rằng ngay cả việc nghe danh hiệu A Di Đà cũng rất ích lợi. Một điều khác mà bạn có thể làm để giúp đỡ người khác là vào lúc họ chết bạn có thể làm những thực hành A Di Đà khác nhau. Chẳng hạn như vào lúc chết bạn có thể thực hiện Ph'owa, và đó là một thực hành chuyển di tâm thức của người chết ra khỏi thân họ. Những nghi lễ và puja khác được thực hiện vào lúc đó. Có một nghi thức được gọi là Shitje. Nó là nghi lễ được thực hiện vào lúc chết. Nhiều điều có thể được thực hiện mặc dù người ấy đã chết. Yếu tố tâm thức của họ được nhắm tới và được hướng dẫn bằng những cách khác nhau.

**Hỏi:** (nghe không rõ)

**Đáp:** Chúng ta phải nói một chút về tánh Không. Những giáo lý tánh Không tuyệt nhiên không khẳng định rằng những gì ta tri giác thì tuyệt đối không hiện hữu. Chúng ta không nói rằng các sự vật được cấu tạo bằng những nguyên tử và phân tử và có thực tại vật chất (theo nghĩa đen) không hiện hữu, và trong ý nghĩa đó, thì huyễn hóa. Chúng ta đang nói rằng chúng không có tự-tánh. Chúng không có sự hiện hữu nội tại. Chúng không có thực tại vững chắc, có thật, tương ứng với cách thức xuất hiện của chúng.

Chúng có vẻ hiện hữu một cách nội tại, nhưng không phải như vậy. Đây là giáo lý của Phái Trung Đạo vĩ đại – Madhyamika. Ở đây có hai trường phái khác nhau, Phái Duy Tâm (Cittamatra) nói rằng mọi sự tự chúng là tâm. Điều duy nhất thực sự hiện hữu là tâm và mọi điều khác chỉ là một sự phóng chiếu của tâm. Giáo lý Mahamudra (Đại Ấn) nói rằng bản tánh thực sự của thực tại thì siêu vượt việc chấp nhận hoặc có hoặc không, chẳng có chẳng không, cũng có cũng không. Điều này được gọi là ‘Bốn Cực đoan’ (Tứ cú). Quan điểm Mahamudra siêu vượt chúng. Đứng ở bình diện chân lý tương đối của ta, trong tiếng Tây Tạng nói là ‘Kun-zop Dempa’ có nghĩa là một câu mê hoặc. ‘Dempa’ có nghĩa là chân lý. ‘Kun-Zop’ nghĩa là hoàn toàn sai lầm. Vì thế ‘chân lý hoàn toàn sai lầm’, chân lý tương đối là kết quả của tri giác sai lầm của ta. Chúng ta tri giác các sự vật có sự hiện hữu nội tại trong khi thực ra chúng không có. Tâm thức chúng ta bám chấp vào điều ta tri giác là vững chắc và thực có. Bởi sự bám chấp trong tâm thức này, ta vật chất hóa điều mà trong thực tế thì trống không. Đó là một sai lầm. Mọi hiện tượng là kinh nghiệm của ta. Chúng được kinh nghiệm bởi và trong tâm ta. Nếu khác đi thì không thể có kinh nghiệm. Mọi sự xuất hiện bên ngoài là một phóng chiếu của tâm trong ý nghĩa rằng nó được kinh nghiệm bởi tâm. Nó không có sự hiện hữu nội tại vững chắc từ khía cạnh riêng của nó. Đó là

một sự sai lầm trong tri giác.

**Hỏi:** *Có cách nào khiến ta có thể ở trong cõi Tịnh Độ, ngoại trừ vào lúc chấm dứt sự sống theo nghĩa đen. Mặt khác, đây có phải là điều có thể đạt tới trong đời sống hiện tại? Có thể đi tới cõi Tịnh Độ trong đời này?*

**Đáp:** Có, khi hơi thở sau cùng đã được thở ra, trước khi hơi thở kế tiếp được thở vào. Vào lúc đó, có một cái chết và một sự tái sinh. Ở đó bạn có thể kinh nghiệm cõi Tịnh Độ trong khoảng thời gian giữa những hơi thở.

**Hỏi:** *Rinpoche, ngài nói rằng ta có thể kinh nghiệm cõi Tịnh Độ trong khoảng giữa đó, vậy trong trường hợp đó, cái gì là cõi Tịnh Độ?*

**Đáp:** Cái gì thực sự là cõi Tịnh Độ? Cõi Tịnh Độ là giác tánh nguyên sơ không ô nhiễm của riêng ta. Nếu từ khoảnh khắc này cho tới khoảnh khắc khác, bạn hồi quang phản chiếu và vẫn duy trì được bản tánh giác ngộ nguyên sơ của bạn thì đó là cõi Tịnh Độ. Mọi sự đến từ bản tâm bạn. Hãy thấu hiểu điều đó, hãy an trụ ở đó: đó là cõi Tịnh Độ.

**Hỏi:** *Nếu sự duyên sinh xuất hiện trong tánh Không thì làm thế nào nó có thể hiện hữu nếu không có sự tạo tác trong tánh Không?*

**Đáp:** Tánh Không và sự duyên sinh thì bất nhị. Chúng là một. Ngay cả khi nói bất nhị là đã sai lạc rồi, bởi điều đó hàm ý rằng có thể có một sự nhị nguyên được vượt qua. Từ vô thủy, chúng luôn luôn là một. Không có sự khác biệt giữa chúng. Nó không giống như có hai phần. Khi bạn nhìn tánh Không và sự duyên sinh một cách nhị nguyên thì đó là sự loại suy của samsara, vòng luân hồi sinh tử. Hãy vượt qua sự nhị nguyên và bạn đồng thời nhìn thấy nhân và quả. Khi đó mọi sự đồng xuất hiện. Đó là tánh Không và sự duyên sinh viên mãn, bất nhị. Trong bản văn, nhiều ví dụ đã được sử dụng để minh họa chân lý này của sự hợp nhất tánh Không và sự duyên sinh. Tuy nhiên chúng ta hãy lấy ví dụ chiếc tách này. Như một sự hiển lộ hay xuất hiện tương đối được cơ cấu tri giác của ta kinh nghiệm, chiếc tách là một cái gì phức hợp. Nó được cấu tạo bởi những phần tử nhỏ bé. Phải vậy không? Nó được tạo bởi những nguyên tử và phân tử trở thành những chất thể đặc biệt là đất, nước, gió, và lửa. Tất cả những sự vật này được kết hợp trong một cách thể như để tạo nên cái ta gọi là chiếc tách. Sau đó nó được trang trí, vẽ lên và được khắc chạm. Đó là cái gì được tạo nên mà tiếng Tây Tạng chúng tôi nói là ‘Dutshe’: phức hợp, cái gì đó được tạo nên. Những nhân và duyên được tập hợp lại theo một cách để tạo nên một sự hiển lộ tương đối mà ta có thể sử dụng và tác động lẫn nhau và nhận thức như điều ta gọi là một

chiếc tách. Tuy nhiên, nếu từ khía cạnh riêng của nó và không phụ thuộc vào những nhân và duyên thì không có sự vật gì gọi là chiếc ‘tách’. Không có điều gì xuất hiện như chiếc ‘tách’ tự nó và thuộc về nó mà tách biệt với toàn thể tiến trình những nhân và duyên cùng tụ hội. Nó không có bản chất. Bản chất của nó thì trống không. Trong Kinh ‘Prajna Paramita Hydraya’ (Tâm Kinh): “Sắc tức là Không, Không tức là sắc, sắc không khác Không, Không không khác sắc.” Mọi hiện tượng có cùng bản tánh chính xác đó. Bất kỳ điều gì

được kinh nghiệm trong luân hồi sinh tử hay sự siêu vượt của nó đều có đồng một bản tánh chính xác đó. Bản chất của nó trống không và nó được kinh nghiệm như một kết quả của sự duyên sinh. Tri giác những sự vật như những thị kiến xen kẽ của tánh Không và sự duyên sinh thì vẫn là một chúng sinh bình thường. Vượt qua thị kiến nhị nguyên, tri giác các sự vật đồng thời là tánh Không và sự duyên sinh, thì đó là Phật. Vị Thánh vĩ đại Nagarjuna (Long Thọ) nói: “*Luân hồi sinh tử và sự siêu vượt của nó (sinh tử và Niết Bàn) không phải là hai. Việc thấu hiểu*

## Làm thế nào để chuyển nghiệp?

*David R. Loy - Liên Trí dịch*

**Lời người dịch:** *Lâu nay, ta vẫn thường quen tai với câu nói: “cái nghiệp của tôi, tôi chấp nhận...” khi một điều không như ý đến với mình. Cách hiểu về nghiệp như thế không đúng theo giáo lý đạo Phật, nhưng lại khá phổ biến trong cộng đồng tu học Phật.*

*Với bài viết này, Davod R. Loy đã làm rõ ý nghĩa tích cực, đầy nhân bản của khái niệm “nghiệp”, đó là thái độ tâm lý chủ tâm của con người đặt vào trong mỗi hành động của mình. Đức Phật đã làm mới nội dung của khái niệm “nghiệp” khi thoát ra khỏi quan điểm tiền định và đặt trọng tâm vào phương diện đạo đức. Thế nhưng, người học Phật chưa góp phần làm sáng tỏ sự đóng góp mang tính cải cách tâm linh của Đức Phật.*

*Bài này cần đọc kỹ và tư duy mới có thể hiểu được thâm ý của tác giả. Nhiều chi tiết khá thú vị trong bài viết này giúp chúng ta nhìn lại, hiểu thêm một số giáo lý căn bản của đạo Phật để thấy trách nhiệm của mình đối với bản thân trong quá trình tu học.*

Chúng ta đang làm gì với nghiệp? Không thể cho rằng nghiệp không phải là một vấn đề đáng lưu tâm trong Phật giáo hiện đại. Nói một cách trung thực, hầu hết chúng ta biết chắc rằng mình không hiểu biết trọn vẹn về giáo lý nghiệp. Nghiệp, anh em sinh đôi với tái sinh, luôn là giáo lý căn bản của đạo Phật, thế nhưng chúng ta không biết làm thế nào để giải thích các giáo lý này một cách hợp lý nhất. Nghiệp thường được hiểu là một ‘luật đạo đức’ của vũ trụ, không có sự

can thiệp của con người và là thuyết tiên định, có thể tính toán chính xác được nguyên nhân và kết quả tương ứng, giống như định luật vật lý của Newton.

Tuy nhiên, hiểu như thế có thể đưa đến sự phân vân do ‘mâu thuẫn nhận thức’ trong giới học Phật và tu Phật thời nay, vì nhân quả vật lý mà khoa học hiện đại đã khám phá về thế giới thì dường như không vận hành theo một cơ chế như vậy.

Giáo lý Phật giáo có ý nghĩa nhiều hơn đối với con người thời đại ngày nay so với con người thời Đức Phật. Ví dụ, giáo lý vô ngã trong đạo Phật, rất phù hợp với khái niệm về quá trình hình thành tự ngã (self-ego) mà tâm lý học đã khám phá ra. Tương tự như vậy, những luận sư Phật giáo như ngài Long Thọ đã nói về ngôn ngữ - ngôn ngữ hoạt động thế nào, con người hiểu lầm và lạc dẫn nó ra sao - rất gần với những gì các nhà ngôn ngữ học và triết học đề cập đến gần đây. Cũng như thế, khoa học hiện đại đồng thuận với Phật giáo về các quan điểm ‘tương quan lẫn nhau’ trong sinh thái học (với thuyết duyên sinh trong Phật giáo) và không có thực thể trong vật lý (với thuyết vô ngã của Phật giáo). Theo những cách như vậy, Phật giáo rất phù hợp với các cách hiểu trong thời hiện đại. Thế nhưng, học thuyết nhân quả, vẫn còn ‘bị’ hiểu theo cách truyền thống. Tất nhiên, nói như vậy không có nghĩa là bác bỏ mọi thứ. Điều này gọi cho chúng ta có hướng suy nghĩ sâu hơn về giáo lý nghiệp.

Ít nhất có hai vấn đề trong các cách hiểu về nghiệp theo truyền thống. Một là, nghiệp được hiểu là những điều thiếu may mắn theo cách nhìn của nhiều người trong xã hội

ở các nước châu Á, những nơi thường sử dụng thất sách là phân chia rạch ròi giữa người xuất gia và tại gia. Mặc dù kinh điển văn hệ Pāli khẳng định rõ ràng rằng người cư sĩ tại gia cũng có thể thành tựu giải thoát. Ấy thế mà trách nhiệm tu tập chính của người cư sĩ tại gia, theo cách hiểu thông thường hiện nay, không phải là bước trên lộ trình tu tập mà là ủng hộ tu viện. Bằng cách hỗ trợ vật chất này, nam nữ cư sĩ có ‘công đức’ - một khái niệm về phước nghiệp. Bằng cách tích lũy công đức như vậy, họ nguyện kiếp sau sanh vào cảnh giới an lành, có nhiều người nguyện kiếp sau trở thành người xuất gia. Thông thường người ta nghĩ rằng, ai sinh vào gia đình giàu có, nếu không phải giàu lên nhờ vào trúng số đời này, có nghĩa là đã tu tạo nhiều công đức trước đó. Với cách hiểu này, Phật giáo trở thành một hình thức “tu tập theo chủ nghĩa vật chất” bởi vì thực hành giáo lý đạo Phật chỉ nhằm đạt được nhiều của cải vật chất.

Một sự thật không thể tránh khỏi là điều này tạo nên ảnh hưởng xấu đến Tăng đoàn. Tôi xin lỗi khi nói ra một điều rằng, nếu ai đó có dịp tiếp xúc với các cộng đồng Phật giáo như Thái Lan sẽ thấy rõ, vai trò xã hội chủ yếu của Tăng đoàn là làm ‘ruộng phước’ cho người cư sĩ Phật tử đến gieo phước mà không cần giảng dạy giáo lý cũng như không nêu gương榜样 chính cuộc sống của mình. Theo niềm tin của số đông, một người tu sĩ có năng lực tu tập tâm linh cao, thì khi cúng dường vị ấy, người cúng dường sẽ có được tài khoản công đức lớn trong ngân hàng công đức của mình. Điều quan trọng nhất ở các tu viện là các sư tuân giữ đầy đủ giới luật tinh nghiêm và khi làm được như vậy, các vị xứng đáng nhận đồ cúng dường của người cư sĩ. Cứ

như thế, Tăng đoàn ở các nước châu Á và cư sĩ Phật tử bị khóa chặt trong mối quan hệ hỗ trợ nhau và quan niệm này khó có thể thay đổi. Quan niệm thiên kiến về nghiệp như vậy không khác nào thiên kiến về tội lỗi của những người theo đạo Thiên Chúa - thật ra, nhìn vào cái này có thể thấy hình ảnh cái kia. Tội lỗi là một cái gì đó tiêu cực cần phải bỏ đi trong khi đó, công đức/nghiệp tốt là cái cần được tích lũy và như vậy, về phương diện tâm lý, hai cái này có bản chất như nhau. Như vậy, công đức theo cách này được hiểu là một cái gì đó chúng ta tạo chỉ để có kết quả sau khi chết.

Một vấn đề ứng dụng quan trọng khác nữa là làm thế nào để Phật giáo thích nghi hơn với vai trò toàn cầu hóa ở tương lai. Thuyết nghiệp thường được dùng để giải thích sự phân biệt chủng tộc, giai cấp, đàn áp kinh tế, dị tật bẩm sinh và nhiều thứ khác nữa trong xã hội. Theo nghĩa đen, thuyết nghiệp thanh minh cho quyền uy và thế lực của những tầng lớp chính trị quý tộc, những người xứng đáng giàu có và quyền uy, còn những người lệ thuộc vào họ thì không. Điều này đưa ra quan điểm có tính thần luận rằng: nếu chắc chắn có mối liên hệ nhân quả giữa hành động và số phận, không cần đòi hỏi phải có công bằng xã hội bởi vì mọi thứ đã được định đoạt về đạo đức trong vũ trụ, cũng không có ác để chúng ta cần phải tranh đấu. Cuối cùng, mọi thứ sẽ cân bằng đâu vào đấy.

Tôi nhớ lại lời một vị thầy Phật giáo hỏi tưởng lại vụ giết người hàng loạt của phát-xít Đức trong đại Thế chiến thứ hai “cái nghiệp của những người Do Thái mới thảm làm sao...”. Cái cách lý giải theo kiểu trào

lưu chính thống, đổ thừa cho những nạn nhân và hợp thức hóa bằng cách nói về số phận khủng khiếp của họ, là điều không thể cứ im lặng chịu đựng mãi được. Đã đến lúc những người học Phật và tu Phật hiện đại cũng như Phật giáo hiện đại thoát ra và vươn mình hòa nhập vào xã hội để nhận lãnh trách nhiệm cũng như tìm cách giải quyết những điều thiếu công bằng trong xã hội.

Trong kinh *Kalama*, một bản kinh được gọi là “bản tuyên ngôn điều kiện giải thoát”, Đức Phật nhấn mạnh đến sự quan trọng của tri thức nhằm tiếp cận sự thật để hóa giải nghi ngờ. Ngài dạy chúng ta không nên tin vào gì cả cho đến khi tự mình thiết lập được chân lý cho chính mình. Điều này có nghĩa rằng, chấp nhận nghiệp và tái sinh, không thắc mắc chúng thật sự có ý nghĩa gì có thể không chính xác lắm so với những lời Phật dạy trong kinh điển truyền thống. Nói như vậy không có nghĩa là chúng ta làm mất uy tín hay bỏ qua lời Phật dạy về các giáo lý này. Thay vào đó, ý kinh này nhấn mạnh đến nhu cầu thẩm định giáo pháp của Phật giáo trong thời hiện đại. Ngày nay, với những gì đã được biết về tâm lý con người, kể cả cấu trúc xã hội của cái ngã, làm thế nào để ngày nay, chúng ta có thể tiếp cận giáo pháp phù hợp với cách chúng ta cảm nhận về sự vận hành của thế giới? Nếu chúng ta không làm được như vậy, năng lực giải thoát của bản thân vẫn chưa được khám phá.

Một trong những nguyên tắc căn bản của Phật giáo là duyên sinh; thế nhưng tôi tự hỏi liệu chúng ta có nhận ra những gì hàm chứa trong giáo lý nguyên thủy của Đức Phật về duyên sinh hay không. Duyên sinh



có nghĩa là không có gì có thể ‘tự tồn tại’ được, bởi vì mọi sự vật hiện tượng đều phụ thuộc vào các sự vật hiện tượng khác và rồi các sự vật hiện tượng này lại phụ thuộc vào những cái khác nữa, và cứ như vậy tất cả vạn vật sinh ra và mất đi tùy vào nguyên nhân (nhân) và các điều kiện (duyên). Thế nhưng, chúng ta tin rằng, đạo Phật phát sinh từ kinh nghiệm trực tiếp của Đức Phật Thích Ca, người trở thành ‘Bậc Giác Ngộ’ khi Ngài chứng đạt chân lý dưới cội bồ-đề. Các kinh điển khác nhau mô tả kinh nghiệm này bằng nhiều cách, tuy nhiên, với tất cả các truyền thống Phật giáo, sự kiện giác ngộ của Ngài là nguồn căn bản để hình thành toàn bộ kinh điển Phật giáo. Điều này khác hẳn giáo lý của Ấn giáo, không căn cứ trên điều gì khác như văn thư cổ của Vệ-đà truyền lại.

Vẫn có một điều gì đó chưa ổn ở đây mặc dù chúng ta thường chấp nhận điều trên. Câu chuyện về sự kiện giác ngộ ấy, như vẫn thường nghe kể, mang màu sắc huyền bí của tự-khởi - điều mà Phật giáo phủ nhận! Nếu duyên khởi của vạn vật là đúng cho tất cả, chân lý của Phật giáo không thể phát khởi một cách độc lập với tất cả truyền thống tín ngưỡng khác vào thời đại Ngài sống và quốc độ Ngài ở (cụ thể là thời kỳ đồ đá ở Ấn Độ) hoặc không thể nói chẳng có liên hệ gì đến các truyền thống tín ngưỡng này. Thay vào đó, giáo lý của Đức Phật Thích Ca cần được hiểu là một phản ứng đối với các hệ thống giáo lý khác, nhưng chắc chắn rằng, đó là một phản ứng trong đó đặt ra nhiều vấn đề về niềm tin tâm linh đương đại trong nền văn hóa ấy - ví dụ, khái niệm về ‘nghiệp’ và ‘tái sanh’ của Ấn Độ vốn đã phổ biến rất rộng rãi vào thời bấy giờ.

Hãy xem lời nhận định sâu sắc mà Erich

Fromm đã nói về một cuộc cách mạng khác (mặc dù rất khác!) là Sigmund Freud rằng:

Sự nỗ lực tìm hiểu hệ thống học thuyết Freud hay học thuyết của bất kỳ triết gia có đầu óc sáng tạo và có tính hệ thống nào, sẽ không thành công nếu chúng ta không nhận ra rằng, và không thắc mắc tại sao, mỗi hệ thống, khi được phát triển và trình bày bởi tác giả phát minh ra nó, nhất thiết là có sai sót... Người triết gia sáng tạo đó phải suy nghĩ theo khuôn mẫu tư tưởng, luận lý và sử dụng các khái niệm có thể diễn đạt được trong nền văn hóa người ấy đang sống. Điều này có nghĩa rằng người ấy chưa thể sử dụng ngôn ngữ phù hợp để diễn đạt ý niệm sáng tạo, mới mẻ và giải thoát kia. Người ấy buộc phải giải quyết một vấn đề không thể giải quyết: diễn đạt tư tưởng mới bằng khái niệm và ngôn ngữ vốn không tồn tại trong kho ngôn ngữ mà người ấy sử dụng từ trước đến nay... Kết quả là, ý tưởng mới mà người ấy vừa thiết lập thật ra là một sự pha trộn giữa cái thật sự mới và ý tưởng đã được chấp nhận theo quy ước mà triết gia này muốn làm mới. Tuy nhiên, người triết gia không ý thức được mâu thuẫn này.

Quan điểm của Fromm rằng, ngay cả những triết gia sáng tạo và cách mạng nhất cũng không thể tự đứng trên vai của mình. Họ vẫn phải tùy vào môi trường văn hóa của họ, hoặc tri thức hoặc tâm linh, điều này chính là những gì Đức Phật nhấn mạnh về vô thường và tương duyên nhân quả. Tất nhiên là có sự khác nhau căn bản giữa Freud và Đức Phật Thích Ca Mâu Ni, nhưng rõ ràng vẫn có sự tương đồng. Đức Phật cũng hiển bày tuệ quán mới mẻ, giải thoát theo cách rất riêng của Ngài, sử dụng trong phạm trù tôn giáo mà nền văn hóa Ngài đang sống có thể

hiểu được. Một điều không thể tránh khỏi là, giáo pháp của Ngài, (hay cách Ngài diễn đạt pháp) là một sự pha trộn của cái hoàn toàn mới (ví dụ như giáo pháp về vô ngã (anata) và duyên khởi (paticca-samuppada)) và tư tưởng đã được chấp nhận theo quy ước thời ấy (như nghiệp và tái sanh). Mặc dù cái mới cấp tiến hơn những cái đã được quy ước, như Fromm đã phát biểu, cái mới không thể vượt ra khỏi trí tuệ được quy ước một cách hoàn toàn và ngay lập tức được.

Với sự nhấn mạnh vào những giới hạn không thể tránh khỏi của bất cứ một nhà cải cách văn hóa nào, ý kiến của Fromm ngầm cho ta hiểu rằng vô thường - có bản chất năng động, đang phát triển - là học thuyết được chấp nhận trong tất cả các nền giáo lý tâm linh. Trong cuộc cách mạng con đường tâm linh thời bấy giờ, Đức Phật không thể đứng trên đôi vai của chính mình, thế nhưng nhờ vào trí tuệ thâm sâu của Ngài, những ai đi theo con đường của Đức Phật có thể đứng trên vai của Ngài. Là Phật tử, chúng ta có khuynh hướng cho rằng Đức Phật hiểu biết tất cả, rằng sự giác ngộ của Ngài và cách Ngài thể hiện sự giác ngộ ấy là vô thượng - nhưng liệu như vậy có công bằng với Ngài không? Thật ra, chúng ta không biết nhiều về Đức Phật lịch sử. Hình ảnh phổ biến ta biết được về Đức Phật phản ánh rất ít về con người thật sự của Ngài mà thật ra, những gì ta biết về Ngài nhằm thỏa mãn nhu cầu tìm hiểu của chúng ta hay cách ta nhìn Ngài là một con người toàn thiện có ý nghĩa khích lệ chúng ta trên con đường thực hành tâm linh hơn là sự thật lịch sử vậy.

Một giáo lý Phật giáo căn bản nữa là vô thường, nằm trong ngữ cảnh này nhắc chúng

ta rằng giáo lý nghiệp và tái sanh trong Ấn giáo và Phật giáo có một chiều dài lịch sử và chúng thay đổi theo từng giai đoạn thời gian. Giáo lý Bà-la-môn sơ kỳ có khuynh hướng hiểu học thuyết nghiệp một cách máy móc và nặng tính nghi lễ. Thực hiện một đàn tế lễ theo đúng cách thức thì chắc chắn đưa đến kết quả như mong đợi. Nếu kết quả không thành tựu như ý, đó là do sai sót gì trong quá trình tổ chức tế lễ hoặc do quả báo đến chậm hơn, có thể đến kiếp sau (do đó, giáo lý này cũng hàm chứa niềm tin có tái sanh). Cuộc cách mạng tâm linh của Đức Phật là chuyển phương pháp có tính nghi lễ với mục đích nhận được những gì mình mong muốn trong cuộc sống vào một nguyên tắc đạo đức bằng cách nhấn mạnh vào yếu tố hành (cetana) nghĩa là ‘động lực’, ‘chủ ý’. Hành là chìa khóa để hiểu được cách Đức Phật nhìn nghiệp ở phương diện đạo đức. Ví dụ, kinh Pháp cú (Dhammapada) bắt đầu bằng cách nhấn mạnh tầm quan trọng vô song của thái độ tâm lý con người:

*“Việc gì cũng do tâm dẫn đầu, tâm điều khiển, tâm tạo. Nếu một người nào đó nói hay hành động với tâm ô nhiễm, khổ đau sẽ đi theo như bánh xe đi theo chân con vật kéo xe”* (Pháp cú kệ số 1).

*“Việc gì cũng do tâm dẫn đầu, tâm điều khiển, tâm tạo. Nếu một người nào đó nói hay hành động với tâm thanh tịnh, hạnh phúc sẽ theo sau như bóng không rời hình”* (Pháp cú kệ số 2).

Để hiểu được sự cải cách của Đức Phật, cần phải phân biệt một hành động đạo đức ở ba phương diện: kết quả mà ta tìm kiếm; quy tắc đạo đức mà mình đang tuân theo (ví dụ, giới của người theo Phật, điều răn của người

theo Chúa; cũng như các bước thực hành nghi lễ); và thái độ tâm lý hay động lực khi chúng ta đang thực hiện hành động. Mặc dù những phương diện này không thể tách rời nhau, nhưng thật ra, chúng ta lại thường tách chúng ra với nhau. Không phải là trùng hợp ngẫu nhiên mà trong triết học đạo đức hiện đại, cũng có ba loại học thuyết chính: học thuyết Vị lợi (Utilitarianism) tập trung vào kết quả; học thuyết về Đạo nghĩa học (Deontology) tập trung vào các nguyên tắc chung như Mười điều răn; và học thuyết Đức hạnh (Virtue theory) tập trung vào đặc tính và các động cơ hành động.

Vào thời Đức Phật, nghiệp được hiểu theo quan điểm của Bà-la-môn giáo nhấn mạnh đến tầm quan trọng của các quy trình (quy định) tổ chức một cuộc tế lễ một cách chi tiết. Thông thường, một cách tự nhiên, người nào chuyên tâm vào tế lễ thì để tâm nhiều hơn vào kết quả. Chúng ta biết đó, thật không may, tình hình ở một số nước Phật giáo ngày nay vẫn không khác trước là bao. Người xuất gia thì bận tâm đến các quy điều phức tạp gò bó cuộc sống họ, còn người cư sĩ tại gia thì lo tích lũy công đức bằng cách cúng dường đến người xuất gia. Cả hai thái độ này đều đánh mất trọng tâm trong cái cách tâm linh của Đức Phật là nhấn mạnh đến vai trò của chủ tâm trong hành động.

Mặc dù vậy, một số bản kinh trong kinh tạng Pāli hầu hết ủng hộ quan điểm tiền định. (Liệu đây có phải là một sự trùng hợp ngẫu nhiên rằng hầu hết các đoạn kinh nói về lợi ích vật chất của Tăng-già đã được bảo lưu?) Ví dụ, trong kinh Tiểu nghiệp phân biệt (Culakammavibhanga Sutra - Trung bộ kinh số 135), nghiệp được sử dụng để giải thích sự sai khác giữa những người khác nhau,

bao gồm ngoại hình và sự bất bình đẳng về kinh tế. Tuy nhiên, ở một số bài kinh khác, Đức Phật rõ ràng phủ nhận tiền định về đạo đức, ví dụ kinh Sở y xứ (Titttha Sutra - Tăng chi bộ kinh 3.61) trong đó Đức Phật nói rằng quan điểm như vậy từ chối tiềm năng của mình trên con đường tu tập tâm linh như sau.

*Có Sa-môn, Bà-la-môn nắm giữ pháp, có quan điểm rằng “những gì một người trải qua - lạc thọ, khổ thọ, bất khổ bất lạc thọ - tất cả đều do nhân trong quá khứ” ... Rồi ta nói với họ rằng, “Trong trường hợp đó, một người là kẻ giết hại chúng sanh vì những nghiệp đã tạo trong quá khứ. Một người là kẻ trộm, ... không chung thủy, ... nói dối, ... nói hai lưỡi, ... nói lời hung ác, ... ngỗ lễ đôi mách, ... tham lam, ... độc ác, ... tà kiến bởi vì những nghiệp đã tạo trong quá khứ. Khi người ấy rơi xuống thọ nhận quả đã gây tạo trong quá khứ là điều không thể tránh khỏi; này chư Tỳ-kheo, không có ham muốn, không có nỗ lực (từ trong tâm) rằng “điều này nên làm, điều này không nên làm”. Một khi người ấy không thể xác nhận được chân lý hay sự thật việc nào nên làm, việc nào không nên làm, người ấy không an trú và không được hộ trì. Người như thế không thể xem là bậc Sa-môn”.*

Trong một bài kinh ngắn khác (Kinh tập 36.21), một ẩn sĩ tên là Shivaka hỏi Đức Phật về quan điểm rằng “những gì một người trải qua, lạc thọ, khổ thọ hoặc bất lạc bất khổ thọ, tất cả đều do nghiệp đời trước”. Bây giờ, thưa Sa-môn Cồ Đàm (Đức Phật), nói như thế nào về điều này? Với vấn đề này, Đức Phật đáp:

*“Do sự rối loạn của mật, này Shivaka, các*

*loại cảm thọ khởi lên, ... do sự rối loạn của đàm..., của gió..., của (ba thứ) kết hợp lại..., do sự thay đổi khí hậu, do các hành vi chống đối..., do bị tổn thương..., do kết quả của nghiệp - (thông qua tất cả những thứ trên), này Shikava, các loại cảm thọ khởi lên... Bây giờ, các nhà ẩn sĩ và Bà-la-môn có một giáo lý như vậy và quan niệm rằng “những cảm giác gì một người trải qua, có thể là lạc thọ, khổ thọ và bất khổ bất lạc thọ, tất cả đều do hành nghiệp quá khứ rồi họ vượt lên những gì tự biết và những gì được đời chấp nhận là đúng. Do đó, ta tuyên bố rằng điều này là sai về phần của các Sa-môn, Bà-la-môn”.*

Khi hiểu lời Phật dạy một cách nghiêm túc, chúng ta không nên phóng đại đến mức hài hước trong đoạn kinh này. Thậm chí tôi có thể tưởng tượng Đức Phật đi ngang qua tạo nên một luồng gió nhẹ, rồi Ngài hỏi Shivaka “Đó có phải là nghiệp không?” Có lẽ điểm quan trọng được nhắc ra từ việc so sánh các đoạn kinh như vậy là giáo lý Phật giáo trong thời kỳ đầu bàn về nghiệp có phần không rõ ràng. Nếu những bài kinh này tự chúng không đủ để hướng dẫn cho con người thời nay hiểu về nghiệp, tôi nghĩ rằng chúng ta nên trở lại với cuộc cách mạng của Đức Phật nhấn mạnh đến động cơ trong hành động của mỗi người. Chúng ta nên đánh giá trí tuệ có tính khám phá thể hiện qua phương pháp của Ngài như thế nào?

Từ Sanskrit nguyên gốc karma (tiếng Pāli là kamma) theo nghĩa đen là ‘hành động’, trong khi đó, vipaka là nghiệp quả (cũng được biết đến với từ ‘quả’ (phala)). Điều này gợi ra một điểm căn bản là hành động của chúng ta sẽ đưa đến kết quả - nói một cách rõ ràng hơn, các hành động đạo đức sẽ đưa đến các kết quả đạo đức tương ứng không

chỉ nằm ở kết quả nhất thời trong hiện tại. Theo cách hiểu thông thường nhất, luật của nghiệp và tái sinh là cách để hiểu được thế giới sẽ đối xử như thế nào với mình trong tương lai. Điều này cũng ngầm ý rằng, một cách trực tiếp hơn, chúng ta phải chấp nhận trách nhiệm về những gì đang diễn ra với chính mình trong hiện tại như là kết quả của những gì chúng ta chắc hẳn đã tạo ra trước đó. “Nếu tôi bị mù bẩm sinh, đó phải là lỗi ở tôi.” Điều này đánh mất ý nghĩa của cuộc cách mạng trong cách giải thích của Đức Phật.

Nếu hiểu sâu hơn, nghiệp nên được xem là chiếc chìa khóa đưa đến sự phát triển tâm linh: Làm thế nào để tinh thể có thể cải thiện tốt hơn bằng cách thay đổi động cơ của hành động ngay bây giờ. Khi chúng ta thêm giáo lý vô ngã của Phật giáo vào - nói theo ngôn từ hiện đại, cảm nhận về ngã là một cấu trúc tâm thần - chúng ta có thể thấy rằng nghiệp không phải là cái mà ngã có, đó chính là cảm nhận về ngã, và những gì ngã cảm nhận được thay đổi theo sự chọn lựa có ý thức. ‘Tôi’ xây dựng (lại) chính bản thân mình bằng những gì tôi chủ ý làm, bởi vì cảm nhận ‘của tôi’ về tự ngã là sự lắng đọng của những cách suy nghĩ, cảm nhận và hành động theo quán tính. Ví như thân thể này được cấu thành từ thức ăn đã được tiêu hóa, tính cách con người được cấu thành từ những sự chọn lựa có ý thức, vì ‘tôi’ được xây dựng bằng các thái độ tâm thần không gián đoạn, lặp đi lặp lại. Người ta ‘bị phạt’ hay ‘được thưởng’ không phải do những gì họ đã gây tạo mà là những gì họ đang là, và những gì ta làm một cách có chủ ý tạo nên chính con người mình trong hiện tại. Ý này được diễn đạt qua mấy câu sau:

*Gieo ý tưởng, gặt hành động,  
Gieo hành động, gặt thói quen,  
Gieo thói quen, gặt tính cách,  
Gieo tính cách, gặt số phận.*

Những gì ta làm có động cơ từ những gì ta nghĩ. Các hành động có chủ ý, khi được lặp đi lặp lại hoài sẽ tạo ra một thói quen. Các cách suy nghĩ, cảm nhận, hành động và phản xạ theo thói quen sẽ xây dựng và hình thành cảm nhận của mình về tự ngã: tôi thuộc loại người nào. Loại người như tôi không hoàn toàn ấn định những gì đến với tôi nhưng ảnh hưởng mạnh mẽ đến những gì xảy ra và cách tôi phản ứng lại.

Ăn năn và hối lỗi vô cùng quan trọng bởi vì đây là những cách để nhận biết, đối với người khác cũng như đối với bản thân, rằng chúng ta đang nỗ lực để không cho phép những điều không hay chúng ta đã làm trở thành (hay vẫn còn) một khuynh hướng có tính thói quen hình thành nên cảm nhận của mình về tự ngã.

Cách hiểu như vậy về nghiệp không nhất thiết liên quan đến kiếp sống khác sau khi thân thể vật lý này mất đi. Như triết gia Spinoza phát biểu trong nhận định cuối cùng của ông trong cuốn ‘Đạo đức’ rằng, hạnh phúc không phải là cái đức hạnh đạt được, mà hạnh phúc chính là đức hạnh. Không phải chúng ta bị trừng phạt vì ‘tội lỗi’ của mình mà trừng phạt chính tội lỗi ấy. Khi làm những loại việc trong tầm mức nào đó, chúng ta trở thành loại người tương ứng trong tầm mức đó.

Để trở thành một loại người khác là phải trải nghiệm thế giới theo một cách khác. Khi

tâm chúng ta thay đổi, thế giới thay đổi theo. Và khi chúng ta có phản ứng khác với thế giới thì thế giới cũng có phản ứng khác với chúng ta. Cho đến khi nào chúng ta thật sự thấy mình và thế giới không còn là hai, cách chúng ta hành động trong thế giới có khuynh hướng liên hệ đến hệ thống phản hồi kết hợp với người khác. Con người không chỉ lưu tâm đến việc họ làm, mà còn lưu tâm đến lý do tại sao họ làm như thế. Tôi có thể che giấu bản chất mình trong một vài lúc nào đó, nhưng qua một thời gian, bản chất tôi sẽ lộ rõ vì các động cơ đằng sau hành động tôi hiển bày rõ ràng. Nếu tôi càng bị tham lam, sân giận và si mê thúc đẩy, tôi càng phải thao túng thế giới để thu tóm những gì tôi muốn, và kết quả là tôi càng cảm thấy xa lạ và người khác lại càng cảm thấy xa lạ hơn khi họ bị thao túng. Sự mất tin tưởng lẫn nhau càng khuyến khích hai bên thao túng nhau càng nhiều hơn.

Ngược lại, nếu lòng bao dung, thương yêu và hiểu biết về sự tương duyên càng thúc đẩy, tôi càng có thể thoải mái và mở lòng ra sống với thế giới. Tôi càng cảm thấy mình là một phần của thế giới và thật sự có liên hệ đến người khác, tôi càng ít có khuynh hướng sử dụng họ, và kết quả là họ càng có khuynh hướng được tin tưởng và sống mở lòng với tôi hơn. Với những cách như vậy, biến đổi động cơ của bản thân tôi không chỉ làm biến đổi cuộc sống của tôi mà còn ảnh hưởng đến những người xung quanh tôi nữa, vì cá nhân tôi là người thế nào không hề tách rời họ là người ra sao.

Sự hiểu biết về nghiệp càng tự nhiên như thế này không có nghĩa là chúng ta nhất thiết phải loại trừ phương diện khác, có lẽ nhiều

khả năng huyền bí đề cập đến kết quả của động cơ hành động với thế giới mà ta đang sống. Cũng không sao nếu người ta không sẵn lòng hiểu những phương diện khác của nhân-quả-nghiệp báo. Dù vậy, điều rõ ràng trong các trường hợp, là nghiệp-là-cách-làm-thay-đổi-tình-thế-thông-qua-cách-thay-đổi-động-cơ-của-mình-ngay-bây-giờ không phải là một học thuyết có tính định mệnh. Điều này mang nội dung hoàn toàn ngược lại: thật khó để tưởng tượng được sức mạnh chứa đựng trong lời dạy tâm linh này. Giáo lý này dạy chúng ta không chấp nhận một cách thụ động những tình huống khó khăn trong cuộc sống của mình. Hơn thế nữa, giáo lý này khuyến khích chúng ta cải thiện đời sống tâm linh và các tình huống trong cuộc sống đời thường bằng cách giải quyết các tình huống này trong tinh thần bao dung, thương yêu và với sự hiểu biết rằng mình và thế giới không tách rời nhau.

## Pháp Cú

HT. Thích Minh Châu dịch

### Phẩm Voi

321

*Voi luyện, đưa dự hội,  
Ngựa luyện, được vua cưỡi,  
Người luyện, bậc tối thượng  
Chịu đựng mọi phi báng.*

## Hư Hư Lục

*Thích Nữ Như Thủy*

### Cách Xử Thế Của Người Xưa

Xưa, có một chú học trò được dịp lên phố chơi. Nhằm ngày chợ phiên một cuộc mất cắp xảy ra tại quán trọ. Chú học trò liền bị quan huyện bắt nhốt vì người ta nghi ngờ chú là thủ phạm.

Sau khi trải qua những thủ tục tra hỏi phiền phức, quan huyện tìm ra thủ phạm chính, chú học trò được trắng án ra về.

Khi về làng gặp lại vị thầy dạy học, chú nhỏ tức tưởi kể lại tự sự, bộc lộ nỗi hàm oan của mình.

Ông thầy im lặng nghe xong câu chuyện, nghiêm nghị ra lệnh đánh đệ tử 10 roi phạt. Đương sự rất ngạc nhiên nhưng không dám cãi lời thầy, riu riu leo lên bộ phận nằm chờ trận đòn mà lòng hoang mang vô kể.

Các bạn chú thấy thế ngạc nhiên thưa:

- Thưa thầy, trò này vô tội sao lại bị đòn?

Ông thầy từ tốn giải thích:

- Đành rằng nó vô tội. Nhưng tại sao giữa phố chợ đông đảo, chỉ có mình nó bị tình nghi là kẻ cắp? Ta đánh đây là phạt cái tội nó đã có bộ vó của thàng ăn cắp để cho người ta nghi ngờ. Nếu nó không chỉnh đốn tư cách lại ta e rằng nó sẽ bị hàm oan nhiều lần nữa!

## 9 lợi ích tuyệt vời của tập thiền đối với sức khỏe con người

BS. Nhật Nguyệt

(theo Life Hack)



Thiền ít nhất 30 phút mỗi ngày sẽ mang đến cho bạn những lợi ích sau:

Tập thiền mang lại cho bạn những lợi ích tuyệt vời như cải thiện hệ miễn dịch, tăng cường sức khỏe tim mạch, cải thiện tâm trạng.

### Giảm stress

Stress kéo dài làm tăng huyết áp và dẫn tới co thắt mạch máu, trầm cảm và thậm chí là nghiện. Khi tâm trí trở nên thanh tịnh khi thiền, bạn sẽ tập trung vào hơi thở và thư giãn, dẫn tới giảm cảm giác căng thẳng. Thở sâu, có kiểm soát cho phép cơ thể tạo ra hàm lượng oxit nitric cao hơn. Chất này giúp lưu thông mạch máu bị tắc nghẽn và giảm huyết áp.

### Giảm căng cơ

Khi bạn tập trung vào nhiều khu vực trên cơ thể qua hơi thở có kiểm soát, tâm trí bạn sẽ giúp cơ thư giãn. Kỹ thuật này được gọi là

kỹ thuật thư giãn cơ tiên tiến có thể được sử dụng khi bắt đầu buổi thiền để làm căng và thư giãn cơ qua cơ thể với chánh niệm và có chủ đích.

### Cải thiện sức khỏe tim

Những người thiền cả ngày sẽ giảm độ dày thành động mạch, những người không thiền sẽ không có hiện tượng này. Giảm độ dày thành động mạch có nghĩa là giảm nguy cơ đột quỵ và đau tim.

### Cải thiện tâm trạng

Thiền làm giảm mật độ chất xám ở một số khu vực trong não có liên quan tới stress và lo âu. Những người thực hành một kiểu thiền đặc biệt ít có nguy cơ trải qua những kích thích tiêu cực. Thiền sẽ giúp giảm mức độ lo lắng và cải thiện 3 lòng thương – lòng thương đối với người khác, nhận lòng thương từ người khác và biết thương chính bản thân mình.

### Tăng cường miễn dịch

Những người tập yoga và thiền sẽ cải thiện tăng cường khả năng phục hồi và sử dụng năng lượng ty thể. Quá trình này dẫn tới tăng cường hệ miễn dịch cũng như đối phó với stress.

### Tăng cường khả năng sáng tạo

Thiền hướng mở rộng có tác dụng tích cực với khả năng sáng tạo và tư duy phân tích. Kiểu thiền đặc biệt này bao gồm theo dõi nhưng không phản ứng, nội dung trải nghiệm qua từng thời điểm. Những người thực hành kiểu thiền này dường như thực hiện tốt hơn những nhiệm vụ trong đó họ được yêu cầu đưa ra những ý tưởng mới theo cách sáng tạo.

### Cải thiện quan hệ tích cực và sự thấu hiểu

Thiền từ bi giúp người thực hành tập trung vào phát triển tình yêu thương và sự quan tâm tới chúng sinh. Một nghiên cứu chỉ ra rằng thực hành kiểu thiền này cho phép người tập hiểu người khác hơn thông qua đọc các biểu hiện nét mặt của họ. Việc xây dựng những cảm xúc tích cực thông qua lòng từ bi sẽ giúp tăng cường nguồn lực cá nhân, như thái độ yêu thương chính bản thân, yêu thương người khác, hỗ trợ xã hội và tự chấp nhận.

### Giảm cô lập xã hội

Thiền từ bi sẽ làm tăng sự gắn kết với xã hội cũng như thái độ tích cực của người tập. Loại thiền này dễ thực hiện và có thể giảm sự cô lập xã hội và tăng những cảm xúc xã hội tích cực.

### Giảm nguy cơ đột quỵ và bệnh tim

Thiền có khả năng làm giảm đáng kể nguy cơ tử vong, đột quỵ và nhồi máu cơ tim ở những người bị bệnh tim. Điều này là vì thiền làm giảm huyết áp và thay đổi các yếu tố stress tâm lý khác. Cùng với đó, nó làm giảm nguy cơ trầm cảm, chết sớm và thậm

chí là Alzheimer.

BS Nhật Nguyệt



### Trước thềm Xuân sang

Phổ Đồng



*Nửa đêm  
thức giấc bụi đường  
hiên sương se lạnh  
nồng hương bên thềm  
hồng nhung  
chớm nụ cười huyền  
chiên đàn trầm thoảng  
trước thềm xuân sang.*

*chấp tay  
quỳ lạy ba ngàn  
Nhu lai thường trụ  
tự thân vô thường  
mừng sinh tử tuổi  
không lường  
nghe chân sắc huyền  
một phương cõi về.*



# PHẬT GIÁO VIỆT NAM THỜI HIỆN ĐẠI NHỮNG CƠ HỘI VÀ THÁCH THỨC

*TS. Trần Hồng Liên,*

Ra đời tại Ấn Độ hơn 2500 năm trước, Phật giáo đã nhanh chóng lan toả sang nhiều nước trên thế giới từ trên những yếu tố tích cực của đạo đóng góp vào trong đời sống hàng ngày cho người dân. Có mặt tại Việt Nam hơn 2.000 năm, Phật giáo cũng đã có những đóng góp nhất định vào nền văn hoá dân tộc, đã để lại những dấu ấn sâu đậm trong từng triều đại. Tuy nhiên, không phải lúc nào Phật giáo cũng giữ được vai trò và vị trí vàng son đó. Điều này còn tùy thuộc vào nhiều nguyên nhân khác nhau : từ sự vận dụng tinh thần Phật giáo của các thiền sư, của các vị vua, của chính quyền, đến việc từng người dân tiếp nhận tinh thần Phật giáo vào trong đời sống của chính mình như thế nào ... cũng góp phần đưa lại một vị trí và vai trò nhất định cho Phật giáo Việt Nam.

Đặc biệt, trong những thập niên gần đây, Phật giáo Việt Nam chuyển mình bước vào một vận hội mới. Những thuận lợi, cơ duyên đã có trong bản thân sự chuyển biến nội lực của tổ chức Phật giáo Việt Nam, cũng như những nhân tố từ bên ngoài đưa vào đã tạo cho Phật giáo Việt Nam một cơ hội mới. Đồng thời với những yếu tố ấy, Phật giáo Việt Nam cũng đang phải đối đầu với nhiều thách thức đặt ra từ hai phía: nội lực và ngoại sinh.

Để có thể thấy rõ được vị trí và vai trò của Phật giáo Việt Nam thời hiện đại, Phật giáo đóng góp gì vào công cuộc xây dựng một

cuộc sống an bình, hạnh phúc và tạo ra một đời sống tâm linh phong phú, cần tìm hiểu những cơ hội và thách thức đang đặt ra cho Phật giáo Việt Nam.

## 1. Những cơ hội mới của Phật giáo Việt Nam

### Những nhân tố nội lực

Thế kỷ 21 đang đến, Phật giáo thế giới cũng như Phật giáo Việt Nam bước vào một vận hội mới. Về phía bản thân Phật giáo Việt Nam (PGVN) cũng có được nhiều thuận lợi cơ bản. Trước hết, đó chính là việc hình thành một tổ chức Giáo hội Phật Giáo Việt Nam (GHPGVN). Có một tổ chức giáo hội thống nhất, PGVN mới có cơ duyên thực hiện được việc thống nhất tổ chức và lãnh đạo, thống nhất tư tưởng và hành động. Chính sự thành lập này đã đem lại trước hết cho PGVN một vận hội mới về sự đoàn kết, hoà hợp trong bản thân Phật giáo, tạo sức mạnh nội lực để GHPGVN thực hiện tiếp tục nhiều hoạt động Phật sự.

Trên cơ sở sự hình thành một tổ chức thống nhất, mọi hoạt động có liên quan hữu cơ thúc đẩy quá trình phát triển PGVN mới có cơ hội thực hiện. Từ việc thiết lập tổ chức GHPGVN, mối tương quan mật thiết giữa ba hệ phái được củng cố, trên cơ sở giữ vững nét đặc thù riêng có của từng hệ phái nhưng cũng làm phong phú, đa dạng hơn văn hoá truyền thống PGVN.

Trước vận hội mới của một tổ chức Phật giáo duy nhất, PGVN có cơ duyên bảo tồn và phát huy được những nét tinh túy trong văn hoá truyền thống Phật giáo vào thời đại mới. Nét tinh túy đó chính là tư tưởng nhập thế của PGVN, là nét son tô đậm trong quá trình phát triển của PGVN. Xuất phát từ hệ tư tưởng của đạo Phật quan niệm về con người, về vũ trụ trong đó con người sinh sống, đạo Phật đề cao lối sống thực nghiệm, đưa nội dung giáo lý siêu việt ấy đi vào cuộc sống đời thường, dùng nó như một phương thuốc chữa lành vết thương cho những con người đang gặp nhiều nỗi đau thương mất mát, đang có quá nhiều sự sợ hãi và đau khổ... Tinh thần nhập thế của PGVN trải suốt hơn 2.000 năm qua tuy có lúc được thể hiện rõ nét, có lúc chưa được làm sáng tỏ, nhưng điều quan trọng là nó vẫn liên tục phát triển từng nơi từng lúc và trở thành sợi chỉ xuyên suốt quá trình hoạt động của PGVN. Tinh thần ấy càng được củng cố trong suốt thời kỳ chống ngoại xâm, đem lại nét đặc thù riêng có của PGVN.

Ngày nay, trước xu thế mới của lịch sử dân tộc, tinh thần nhập thế này lại được các thiền sư làm sống lại, khơi gợi lên và nhân rộng ra để tinh thần ấy có thể đến với từng người mến mộ đạo Phật, sử dụng nó như một phương tiện làm phát khởi trí huệ, mang lại an lạc cho mình và cho người.

Thành tựu của tinh thần này được biểu hiện nhiều vẻ, dưới nhiều góc độ khác nhau. Có thể thấy điều này trên thành quả của hàng trăm phòng phát thuốc, hàng chục Tuệ Tĩnh đường, các lớp học Tình Thương, trường nuôi dạy trẻ em khuyết tật, trung tâm tư vấn, giúp đỡ người bị HIV/AIDS; nhà ở cho người có công với nước, Quỹ Khuyến học

cho những trẻ em nghèo hiếu học, chăm lo cho người già neo đơn, những trẻ mồ côi không người nuôi dưỡng...

Song song với những thuận lợi có tính nội tại của PGVN, đạo Phật lại được sự hỗ trợ, hưởng ứng của chính quyền. Những người lãnh đạo ý thức rõ ràng Phật giáo gắn với dân tộc, đạo Phật đã góp phần cùng chính quyền mang lại niềm an lạc cho người dân, với phương châm vì Đạo Pháp và vì Dân tộc.

Bên cạnh những thuận lợi cơ bản, có tính nội tại ấy, PGVN cũng đang đứng trước những làn sóng vũ bão của nhiều chuyển biến tích cực trên thế giới.

### Những nhân tố ngoại sinh

Nhiều năm trước, một số người tu hành theo đạo là những chur sơn thiên đức, ở trên non cao, xa cách cuộc đời. Dường như mọi đổi thay trên thế giới, trong khu vực, không can hệ gì đến cuộc sống tu vốn thâm trầm, tĩnh lặng của họ. Mỗi quan hệ xã hội, mạng lưới xã hội của các tu sĩ xưa kia vì vậy trở nên khá hạn hẹp. Không kể đến một số tu sĩ đặc biệt như ngài Minh Tịnh, một mình đi sang Tây Tạng, không kể đến một vài thiền sư vượt ra khỏi phạm vi đất nước, sang nước ngoài học hỏi, thu thập thêm kiến thức mới như Hoà thượng TS. Thích Minh Châu, như Hoà thượng TS. Thích Trí Quảng, như GS.TS Thích Thiện Siêu... và một số tu sĩ được đào tạo đại học Phật giáo trong nước, thì còn không ít tu sĩ chưa quan tâm nhiều đến những thay đổi bên ngoài, chỉ lo tu Tịnh. Điều này có đối lập với tinh thần nhập thế của Phật giáo Việt Nam hay không? Hay khi nước nhà suy vong, người tu đứng

lên ra trận, còn thời thanh bình thì trở lại chốn thiền môn?

Trong thời đại ngày nay, những phát minh về khoa học, công nghệ thông tin, những phát hiện mới về khảo cổ học, về những văn bản gốc có liên quan đến Phật giáo như tấm bia đá do vua Asoka xây dựng tại Tây Nam Nepal được phát hiện gần đây; như cuốn kinh Mật tông (Bardothodol) đã được chuyển dịch sang nhiều ngôn ngữ trên thế giới... đã mở ra chân trời mới, giúp tiếp cận với Phật giáo một cách sâu sắc, chính xác và phong phú hơn. Nhiều mạng thông tin (website) của Phật giáo đã mở ra nhận thức mới, cung cấp tầm nhìn rộng và sâu về Phật giáo thế giới. Và như vậy, theo một lý giải lô gích, chỉ có thể hiểu rõ được PGVN trên cơ sở hiểu rõ Phật giáo thế giới. Càng hiểu rõ, có mối dây liên hệ mật thiết với thế giới, thì việc thúc đẩy PGVN phát triển mới được thuận lợi và có tính khả thi. Chủ trương hội nhập khu vực và quốc tế của đất nước được thúc đẩy tốt nếu như việc hiểu biết để hội nhập của Phật giáo VN với các nước cận kề trong khu vực sau đó với thế giới được thực hiện.

Như vậy, cùng với xu thế chung của thời đại, vận hội mới đã và đang mở ra cho PGVN một thuận lợi lớn: hội nhập Phật giáo khu vực và thế giới trên cơ sở của xu thế hội nhập và toàn cầu hoá. Xu thế ấy càng được nhanh chóng phát triển nếu xét trên bản chất của đạo Phật, vốn là một tôn giáo mang tính hoà hợp, dễ thích nghi theo dân tộc, theo từng quốc gia. Từ lâu tại khu vực Đông Nam Á đạo Phật đã chẳng từng là chất keo đoàn kết các quốc gia trong khu vực vì một nền hoà bình thịnh vượng đó sao? Riêng đối với PGVN, xu thế này càng được thuận lợi vì

Việt Nam có cả 3 hệ phái Phật giáo.

Những tương đồng trong văn hoá, trong nghi lễ... đã nối kết các quốc gia theo đạo với nhau, cùng nhau ngồi lại trong những Hội nghị Thượng đỉnh, bàn về vai trò, vị trí và tầm quan trọng của Phật giáo đối với nhiều vấn đề, từ môi trường đến đạo đức, từ tâm lý đến giáo dục... Đại hội Hội Liên Hữu Phật giáo Thế giới (WFB) lần thứ 23, Hội Liên Hữu Thanh niên Phật giáo Thế giới (WFBY) lần thứ 14 và Hội đồng Phật giáo thế giới (WBU) lần thứ 6 đã khai mạc gần đây tại Đài Loan cho thấy có sự xích lại gần nhau của những người theo đạo vì một nền hoà bình và thịnh vượng cho người dân trên hành tinh. Đó cũng là một điều gọi cho PGVN một hướng hợp tác mới.

## 2. Những thách thức đặt ra cho PGVN

Song song với những thuận lợi vừa kể, PGVN trong thời hiện đại không phải là không gặp khó khăn. Những hạn chế và thách thức này đặt ra cho chính Giáo hội PGVN. Đó là những vấn đề có tính thời đại. Sự phát triển vũ bão của khoa học-kỹ thuật làm chuyển đổi cuộc sống, sinh hoạt đời thường, trong đó có sinh hoạt của những tu sĩ. Biến đổi nhanh làm cho việc đào tạo con người thích ứng theo những chuyển đổi ấy còn khá chậm.

Xét về nguồn nhân lực, PGVN tuy hiện nay đã có hàng trăm tu sĩ đi sang các nước tiếp thu kiến thức mới, phù hợp với đà phát triển trong thời đại mới, đã lần lượt trở về và hàng trăm tu sĩ trẻ tốt nghiệp học viện Phật giáo trong nước mỗi năm, nhưng số lượng ấy chưa thể gọi là nhiều, và chưa đủ để có thể

trở thành hạt nhân nòng cốt cho tất cả các mạng lưới hoạt động phật sự của từng địa phương thời gian tới. Mặt khác, sự chuyển đổi nếp sinh hoạt, số thời khoá thực hiện nghi lễ, cũng như việc tăng cường một số hoạt động có tính mở rộng mạng lưới sinh hoạt cộng đồng, tăng cường mối quan hệ giữa những người tu sĩ với thanh thiếu niên có đạo cũng như chưa vào đạo, cũng có làm cho một số tu sĩ chưa thật sự đồng tình với nếp sinh hoạt mới. Điều đó đặt ra trong bản thân giáo hội PGVN một thách thức mới cả về việc nâng cao năng lực bồi dưỡng, hoằng pháp lẫn về mặt tổ chức.

Một vấn đề đặt ra trong giai đoạn có sự chuyển đổi trên nhiều lĩnh vực, đối với tất cả các tôn giáo, đó chính là xu hướng thế tục hoá. Khá nhiều bài nghiên cứu trong và ngoài nước đã đề cập đến hiện tượng này (1), coi đó như là một trong những vấn đề có tính thời đại, diễn ra trong các tôn giáo khác nhau. Đối với Phật giáo, khá nhiều công trình cũng đề cập đến vấn đề Phật giáo nhập thế (Engaged Buddhism) và Phật giáo thế tục hoá (Secularization of Buddhism) hay phong trào Phật giáo mới (the new Buddhism) (2)...

Đứng trước những hiện tượng này, PGVN cũng cần vận dụng những đặc thù trong truyền thống để làm sáng tỏ khái niệm Phật giáo nhập thế, vốn mang tính tích cực, để phân biệt với xu hướng thế tục hoá, vốn mang tính tiêu cực và thể hiện bản chất không tốt đẹp.

Thách thức lớn do thời đại đặt ra đối với tu sĩ PGVN còn là những hạn chế về thông tin, hoạt động của Phật giáo thế giới. Điều này cũng làm hạn chế tầm nhìn, nếp nghĩ, trong

việc đặt quan hệ đối tác, hợp tác tổ chức những hội thảo về Phật giáo nhằm góp phần thúc đẩy nhanh chóng quá trình hội nhập với Phật giáo thế giới. Khá nhiều mạng thông tin điện tử (website) Phật giáo như Đạo Phật ngày nay, Thư viện Hoa sen, Trang nhà Quảng Đức... cung cấp nhiều nguồn tin tức mới về Phật giáo trên thế giới, nhưng số người đọc nó chưa phải là nhiều, đặc biệt là đối với những tu sĩ có tuổi. Không kể một số tu sĩ trẻ có trình độ ngoại ngữ và vi tính thông thạo, một số khác chưa quan tâm nhiều đến việc cập nhật thông tin qua mạng và chưa cảm thấy cần thiết phải có trình độ ngoại ngữ để đọc thêm sách báo nước ngoài.

Vài năm gần đây, số lượng tu sĩ được đào tạo bậc đại học, sau đại học Phật giáo đã có nhiều đóng góp đáng kể vào hoạt động phật sự của PGVN. Nhiều công trình sách được xuất bản mang dấu ấn của việc trở về với nét đặc thù riêng có của Phật giáo Việt Nam mà các tác giả là những tu sĩ trẻ, có hoài bão và năng lực, như các tác phẩm : Phật Việt Nam, Dân tộc Việt Nam (3) ; Tâm lý học Phật giáo (4)... Tuy nhiên, cũng chính từ những thành quả ấy mà thách thức đặt ra cho thế hệ tu sĩ trẻ càng cao, đòi hỏi sức phấn đấu vươn lên trong hoằng pháp cũng như trong việc nâng cao nhận thức, để làm thế nào xứng đáng với vai trò là những người thầy, là câu nôi của đức Phật với những người phật tử. Thách thức đó đặt ra không phải một sớm một chiều có thể đáp ứng được.

Bởi vì ngoài áp lực của việc phải nhanh chóng nâng cao tầm nhìn, còn là những trở ngại khó vượt qua của muôn vàn điều kiện cần và đủ khác, như yêu cầu về trình độ ngoại ngữ và vi tính để có thể tiếp cận thông tin và xử lý thông tin, truyền đạt thông tin

qua nhận thức từng cá nhân, kết hợp với một tấm lòng yêu thương sâu sắc đất nước, đạo pháp và dân tộc. Mặt khác, khó khăn lớn nhất đặt ra cho những người tu sĩ, nhân tố quan trọng nhất của việc tiếp cận với vận hội mới và thách thức mới, không chỉ những thiếu sót vừa nêu, mà chính là nhận thức về các vấn đề này. Một số người có thể vẫn mang tư tưởng cho rằng có cần thiết hay không để dành thời gian cho những điều như vậy? Những điều này thực sự có ý nghĩa và giúp cho người tu sĩ tiến tới giải thoát hay không? Chính những trăn trở ấy, những băn khoăn ấy là thách thức lớn đặt ra trong giai đoạn hiện nay cho GHPGVN.

### 3. Một số giải pháp

Trước hết, để có thể có lời đáp thoả đáng cho nhiều vấn đề mang tính thời đại của Phật giáo, cần thiết có nhiều buổi tọa đàm, hội thảo quốc gia và quốc tế, những sê-mi-nar bàn về các vấn đề trên. Chỉ có trong những hội thảo ấy, nhiều thách thức mới được nêu ra, được bàn bạc, trao đổi và đi đến cùng nhau giải quyết.

Cũng cần nhận rõ hơn trong những yếu tố nội lực tạo tiền đề cho nhiều cơ hội mới và những thách thức mới thì yếu tố con người là quan trọng nhất. Việc gấp rút nâng cao nhận thức, tầm nhìn, đào tạo năng lực cho một thế hệ tu sĩ trẻ, đủ sức gánh vác nhiệm vụ mà thời đại đặt ra cho GHPGVN là việc làm có tính cấp thiết.

Trong đào tạo nguồn nhân lực, cũng đòi hỏi việc chuẩn bị lại giáo trình, nội dung các môn học, phương pháp tiếp cận ... sao cho nền giáo dục Phật giáo thực sự mang ý nghĩa vì một đạo Phật Việt Nam, lấy sự tu chứng

và quá trình thực nghiệm làm căn bản.

Song song với việc chuẩn bị tốt giáo trình giảng dạy, cũng cần nắm bắt được những cốt lõi, những đặc điểm của PGVN, để trên con đường các tu sĩ trẻ được đào tạo từ nhiều nguồn khác nhau, từ nhiều nước khác nhau, vẫn luôn tâm niệm rằng chính là để phục vụ cho đạo Phật Việt Nam, cho giáo hội Phật giáo Việt Nam và con người Việt Nam. Ý thức điều này, người được đào tạo sẽ vững tin đi trên con đường mà phương châm GHPGVN đã đề ra. Đó là những người tu sĩ hành sử nhiệm vụ của mình vì đạo pháp và cho dân tộc.

Tóm lại, trước sự vận hành mới của cuộc sống, đứng trước những vận hội mới và những thách thức mới đặt ra cho GHPGVN, những người tu sĩ cần dẫn thân, trang bị tinh thần nhập thế, vì cuộc sống an lạc cho người dân và vì một đất nước Việt Nam hùng cường, thái bình, vì một đạo Phật Việt Nam có bề dày lịch sử hơn 2.000 năm mà tiến bước. Ý thức và hành động như vậy chính là đã góp phần hữu hiệu vào quá trình đưa Việt Nam hội nhập khu vực và thế giới, trong xu thế toàn cầu hóa.

### Chú thích

1. Nguyễn Xuân Nghĩa, Tôn giáo trong thời hiện đại: Thế tục hoá hay phi thế tục hoá?
2. Ken Jonh, The social face of Buddhism: An approach to political and Social Activism; David W. Chappell. Engaged Buddhism in a global Society: Who is Being Liberated? Socially Engaged Buddhism for the New Millannnium: Essay in honor of the Ven. Phra Dhammapitaka on his 60 th Birthday anniversary. Sathirakose

nagapradipa Foundation and Foundatin for Children, 1999; Cung Tuấn. (GS. Đại học Trung Sơn) Thích ứng và phản kháng , thảo luận từ hai dẫn chứng về mối quan hệ giữa Phật giáo truyền thống với chính trị Đông Á thời kỳ cận đại. (Bản thảo) 2005.

3. Giác Dũng, 2003. Phật Việt Nam, Dân tộc Việt Nam. Nxb Tôn giáo, Hà Nội ;

4. Thích Tâm Thiện, 1998. Tâm lý học Phật giáo. Nxb Thành phố Hồ Chí Minh.

### Tài liệu tham khảo

- Cung Tuấn 2005, Thích ứng và phản kháng. Thảo luận từ hai dẫn chứng về mối quan hệ giữa Phật giáo truyền thống với chính trị Đông Á thời kỳ cận đại. Bản thảo tham luận hội thảo. Trần Anh Đào dịch.

- Giáo hội Phật giáo Việt Nam, Bản tin, Hội nghị kỳ 4-khoá V. Giáo hội Phật giáo Việt Nam. 3-4/1/2006.

- Nguyễn Xuân Nghĩa, Tôn giáo trong thời hiện đại: Thế tục hoá hay phi thế tục hoá? T/c Nghiên cứu tôn giáo số 2-2003.

- Trần Văn Trình, Chính sách tự do tín ngưỡng, tôn giáo của Đảng, Nhà nước và sự phát triển của Phật giáo Việt Nam trong thời kỳ đổi mới. T/c Nghiên cứu tôn giáo số 4-2003.



# Hư Hư Lược

*Thích Nữ Như Thủy*

## Câu Được Ước Thấy

Xưa, có một chúng sanh đang chịu quả khổ ở địa ngục. Trong cơn đau tận mạng y niệm Phật luôn miệng, van:

“Xin Ngài cứu con thoát khỏi cái chảo dầu sôi này. Làm thân ngạ quỷ cho đỡ khổ hơn...”

Bụt và Diêm vương nghe van mũi lòng, bèn cho y được như nguyện.

Làm ngạ quỷ được vài hôm, y lại kỳ kèo:

“Xin Ngài làm phúc cho con được làm thân súc sanh, một con chó... cũng được, chứ làm ngạ quỷ... khổ quá trời ơi!

Y liền được mang thân một con chó tên là Nô. Nô lại than van:

“Hỡi ơi! Thân chó nào có sướng ỨC gì... ước chi con được thân người... Gâu... gâu... gâu!

Nô liền được như nguyện... mang thân một chị đàn bà xấu xí, bán ve chai sống qua ngày. Chị ve chai lại rên rĩ:

“Trời Phật ơi! Khổ thân tôi xấu xí thế này sống chi thêm cho nhục... ước chi tôi để coi một chút để kiếm một ông chồng mà nương tẩm thân liễu yếu. Hu, hu!

Chị ve chai lại biến thành một thiếu nữ khá mặn mà... Và có vô số anh hùng rấp ranh bản sê. Sau mấy năm kén cá chọn canh, treo cao giá ngọc, chị lên xe hoa với một người trong mộng. Mười năm sau chị lại than thở:

“Trời ơi, chồng với con ước gì tôi được như thời con gái, không có cả đồng phụ tùng rắc rối, tui sẽ cạo đầu vô chùa tu quách. Ư hự!

Cầu được ước thấy, chị thành một tu sĩ.

Người ta lại nghe sư cô này than van:

- Ư hự! Phải chi mình được “sinh phùng trung quốc, hội ngộ minh sư” (sinh ra gặp chôn may mắn, gặp thầy sáng suốt dẫn dắt) thì tu mới không ngán, đàng này không ai chỉ dạy tu gì mà chỉ thấy phiền với nã.

Sở cầu hợp pháp này được chuẩn y lập tức. Sư cô được gởi vào một Phật học ni viện, lần này các ni sinh bạn cô lại nghe kể lể:

“Học chi mà lảm thê. Học mà không tu thì như mang dãi sách, đói ăn mà không no... ước chi tôi được gặp một thiền sư, ở trong một thiền viện để vừa tu vừa học, tri thành hợp nhất... hi... hi...

Bụt liền giúp cô trở thành một thiền sinh trong một thiền viện “Bất tác bất thực.” Thiền sinh này thường chống cuộc than thở:

“Chèn ơi! Quanh năm chỉ thấy cào bới với cuộc cày. Làm mãi không có thì giờ để tu. Ước gì tôi được nhập thất để giải quyết sinh tử, nhất đao đại hoạn, hừ hừ!

Bụt lại ra tay, một cái thất được dựng lên

cấp tốc, một, hai, ba, bốn thí chủ hùn tiền giúp cô an tu. Ngồi bó rọ trong thất đương sự loay hoay tính toán:

- Phải chi có ai tu giùm, mình ké vô để thành Phật thì sướng biết mấy. Sư chưa kịp ao ước thì bỗng bắt được cái điện tín của Diêm vương gởi qua cái răng sâu... và cả tiếng thì thầm của bọn quỷ sứ dưới âm phủ:

- Tâu Diêm chúa, chảo dầu này hai đứa con chụm sấp sôi rồi, chừng nào Diêm chúa lôi cái tên đa sự đó về đây?



### Chợ đời

Minh Đức Triều Tâm Ảnh

*Lộc trời com áo ấm no  
Ngao du sơn thủy thầy trò hàn huyên  
Mai thầy trở lại rừng thiền  
Trò còn hụp lặn giữa phiên chợ đời  
(Liễu Ngộ)*

*Chợ đời thì mặc chợ đời  
Bước qua cát bụi rong chơi thử nào  
Để nghe trần thế lao xao  
Để nghe vọng tưởng chiêm bao mấy lần...  
(MĐTTA)*

*Đêm nằm viễn mộng băng khuâng  
Nhớ Chùa tranh cũ hương trầm thoảng bay  
Cuộc đời nhân thế đổi thay  
Chùa tan tranh nát mới hay vô thường...  
(Liễu Ngộ)*

### Về bài đăng báo Phật Học

Ban Biên Tập hoan nghênh quý độc giả viết bài cho Nguyệt San Phật Học, xin được lưu ý những điểm sau đây :

- ◆ Bài viết về giáo lý hay thơ, văn, nhạc mang chứa nội dung Chân, Thiện, Mỹ theo tinh thần Phật Giáo, có ích cho sự tu học.
- ◆ Bài gửi đăng báo Phật Học, tác giả có thể viết tay hay đánh máy.
- ◆ Bài được đăng báo hay không, xin miễn trả lại bản thảo.
- ◆ Tác giả dùng bút hiệu, xin ghi rõ họ, tên, địa chỉ để dễ liên lạc nếu cần.
- ◆ Tôn trọng tác giả, Ban Biên Tập không sửa chữa hành văn trừ khi tác giả cho phép. Ban Biên Tập có thể sửa lỗi chánh tả hoặc đánh máy bị sai.

Ban Biên Tập  
Nguyệt San Phật Học



HỘ PHÁP

Phật Học Inc  
7913 Rochelle Road  
Louisville, KY 40228-2379

NON-PROFIT ORG.  
U.S. POSTAGE PAID  
LOUISVILLE, KY  
PERMIT NO. 368

To: